

Số: /2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO
theo dự thảo Luật sửa đổi**NGHỊ ĐỊNH****Quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 01 tháng 01 năm 2010;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Dự trữ quốc gia ngày tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định về:

a) Thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 3 Nghị định này.

b) Xử lý tài sản quy định tại Điều 3 Nghị định này.

2. Nghị định này không điều chỉnh đối với:

a) Tài sản là nhà, đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà, đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01 tháng 7 năm 1991 thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội và Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

b) Tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 05/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ.

c) Tài sản là tàu bay bị bỏ tại Việt Nam thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định số 02/2012/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2012 của Chính phủ.

d) Tài sản là công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thông qua Tập đoàn Điện lực Việt Nam và công trình điện có nguồn gốc hình thành từ dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và được các bên thỏa thuận chuyển giao cho đơn vị điện lực theo hợp đồng dự án theo quy định tại điểm đ và điểm e khoản 2 Điều 1 Nghị định số 02/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ về việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

đ) Tài sản (bao gồm tiền) do tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài hiến, biếu, tặng cho, đóng góp, viện trợ, tài trợ và các hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác (sau đây gọi là tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu) cho Nhà nước Việt Nam thuộc trường hợp phải hạch toán ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, pháp luật về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam và pháp luật khác có liên quan.

e) Tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho doanh nghiệp, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.

g) Tài sản là tiền Việt Nam, ngoại tệ do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội. Việc quản lý, sử dụng tiền, ngoại tệ này thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, cơ chế tài chính áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận chuyển giao và pháp luật khác có liên quan.

h) Tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho di tích lịch sử văn hóa, cho các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội theo quy định của pháp luật về văn hóa, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

i) Tài sản do bên nước ngoài chuyển giao cho bên Việt Nam trong công ty liên doanh khi hết thời hạn hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư.

k) Tài sản do các bên tham gia liên doanh, liên kết tự nguyện chuyển giao không bồi hoàn quyền sở hữu phần tài sản của mình cho đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

l) Tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Ban Quản lý khu công nghệ cao hoặc đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong Khu công nghệ cao Hoà Lạc theo quy định của Luật Thủ đô. Việc quản lý, xử lý đối với các

tài sản này được thực hiện theo quy định của Luật Thủ đô và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

m) Tài sản là nhà, đất thuộc quỹ nhà ở xã hội, nhà tái định cư; quỹ nhà, đất tiếp nhận từ dự án phát triển nhà ở thương mại, dự án đầu tư phát triển đô thị bàn giao lại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật. Việc quản lý tài sản này thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật khác có liên quan.

n) Xử lý động vật, thực vật do chủ cơ sở nuôi, trồng tự nguyện trao trả cho Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

3. Trường hợp tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu là vật tiêu hao thì cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận có trách nhiệm quản lý, sử dụng để thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; không phải làm thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và không phải lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định này.

4. Trường hợp trong Điều ước quốc tế do nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc là thành viên có quy định về việc xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

5. Tài sản bị chôn giấu, bị vùi lấp, chìm đắm không thuộc phạm vi vùng biển thuộc quyền chủ quyền và quyền tài phán của các quốc gia mà do tổ chức, cá nhân Việt Nam phát hiện hoặc tìm thấy thì áp dụng theo quy định của Điều ước quốc tế về xử lý tài sản bị chôn giấu, bị vùi lấp, chìm đắm mà Việt Nam là thành viên; trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên không có quy định về xử lý tài sản bị chôn giấu, bị vùi lấp, bị chìm đắm thì áp dụng theo quy định tại Nghị định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và quyết định xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao chủ trì quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (sau đây gọi là đơn vị chủ trì quản lý tài sản).

3. Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi là cơ quan quản lý tài sản công).

4. Các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 3. Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân quy định tại Nghị định này gồm:

1. Tài sản bị tịch thu theo quy định của pháp luật, gồm:

a) Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu.

b) Vật chứng vụ án, tài sản khác bị tịch thu theo quy định của pháp luật về hình sự, pháp luật về tố tụng hình sự (sau đây gọi là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu).

2. Bất động sản vô chủ, gồm:

a) Bất động sản không xác định được chủ sở hữu theo quy định của pháp luật về dân sự.

b) Bất động sản mà chủ sở hữu từ bỏ quyền sở hữu đối với tài sản đó theo quy định của pháp luật về dân sự.

3. Tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, gồm: Tài sản bị đánh rơi, bỏ quên không xác định được chủ sở hữu hoặc chủ sở hữu không đến nhận theo quy định của pháp luật về dân sự.

4. Tài sản là di sản không có người thừa kế, gồm:

a) Tài sản không có người nhận thừa kế theo quy định tại Điều 622 Bộ luật Dân sự.

b) Tài sản hết thời hiệu yêu cầu chia di sản kể từ thời điểm mở thừa kế nhưng không có người chiếm hữu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự.

c) Phần quyền sở hữu bất động sản khi một trong các chủ sở hữu chung đối với bất động sản từ bỏ phần quyền sở hữu của mình hoặc khi người này chết mà không có người thừa kế theo quy định tại khoản 4 Điều 218 Bộ luật Dân sự.

5. Tài sản là hàng hóa tồn đọng được lưu giữ lại khu vực cảng, kho, bãi thuộc địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan.

6. Tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam không thuộc trường hợp quy định tại các điểm đ, e, g, h, i, k và l khoản 2 Điều 1 Nghị định này.

Việc chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho Nhà nước Việt Nam được thực hiện thông qua Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi là Bộ, cơ quan trung ương) hoặc chính quyền địa phương. Trường hợp khi chuyển giao đã xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận; nếu cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận thuộc trung ương quản lý thì được xác định là chuyển giao thông qua Bộ, cơ quan trung ương; nếu cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận thuộc địa phương quản lý thì được xác định là chuyển giao thông qua chính quyền địa phương. Đối với tài sản do các chuyên gia, nhà thầu, tư vấn nước ngoài chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam, nếu dự án do trung ương quản lý thì được xác định là chuyển giao thông qua Bộ, cơ quan trung ương; nếu dự án do địa phương quản lý thì được xác định là chuyển giao thông qua chính quyền địa phương.

7. Tài sản của quỹ xã hội, quỹ từ thiện bị giải thể, gồm:

a) Tài sản còn lại của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện bị giải thể theo quy định của pháp luật về quỹ xã hội, quỹ từ thiện (sau khi đã thực hiện xử lý theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 42 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện) nhưng không có quỹ khác có cùng mục đích hoạt động nhận tài sản chuyển giao.

b) Tài sản còn lại thuộc về Nhà nước của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện bị giải thể do hoạt động vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội thuộc các hành vi bị cấm quy định tại Điều 9 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP (sau khi đã thực hiện xử lý theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 42 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP).

8. Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

9. Tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư được chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án, gồm: Tài sản được chuyển giao cho

Nhà nước Việt Nam theo Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT), Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh (BTO), Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Thuê dịch vụ (BTL), Hợp đồng Xây dựng - Thuê dịch vụ - Chuyển giao (BLT).

10. Tài sản bị chôn giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, gồm: Tài sản được phát hiện hoặc tìm thấy thuộc đất liền, các hải đảo và vùng biển Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán mà tại thời điểm phát hiện hoặc tìm thấy không có hoặc không xác định được chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản phải được lập thành văn bản; bảo đảm trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trên cơ sở bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân có liên quan. Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đồng thời là cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản và đơn vị chủ trì quản lý tài sản đồng thời là cơ quan có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thì việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản được thực hiện đồng thời với việc phê duyệt phương án xử lý tài sản thông qua Quyết định của người có thẩm quyền theo Mẫu số 02-QĐXL&PA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp còn lại thì thực hiện theo Mẫu số 01-QĐXL tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

3. Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân sau khi được xử lý theo hình thức chuyển giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý, xử lý; giao, điều chuyển; bán theo quy định tại Nghị định này thì việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản sau khi cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân tiếp nhận/mua được thực hiện theo quy định của các pháp luật có liên quan.

4. Việc xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được lập thành phương án theo Mẫu số 05-PA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Việc phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được thực hiện thông qua Quyết định hành chính của cơ quan, người có thẩm quyền. Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được áp dụng thống nhất theo Mẫu số 03-QĐPA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đồng thời là cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản và đơn vị chủ trì quản lý tài sản đồng thời là cơ quan có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản thì việc lập hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản được thực hiện đồng thời với việc lập hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản; việc trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản được thực hiện đồng thời với việc trình phê duyệt phương án xử lý tài sản.

5. Việc xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu hoặc tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu được thực hiện đối với tài sản của từng vụ việc. Trường hợp giá trị tài sản của một vụ việc dưới 100 triệu đồng thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản có thể tổng hợp tài sản của nhiều vụ việc để xử lý một lần theo thời hạn sáu (06) tháng/một lần (trừ tài sản là hàng hóa nếu không xử lý ngay sẽ bị hư hỏng, mất giá trị, hết hạn sử dụng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 16 Nghị định này).

6. Trường hợp cơ quan quản lý tài sản công là đơn vị chủ trì quản lý tài sản thì trình tự, thủ tục lập, trình cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản thực hiện theo quy định áp dụng đối với đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

7. Trường hợp tài sản phải thực hiện giám định, kiểm định, kiểm nghiệm, lấy ý kiến của các cơ quan chuyên ngành trước khi đề xuất, lập phương án xử lý hoặc quyết định xử lý thì thời gian giám định, kiểm định, kiểm nghiệm, lấy ý kiến không tính vào thời hạn lập hồ sơ, thời hạn trình, thời hạn phê duyệt phương án xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định này.

8. Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm bị tịch thu nhưng đang trong thời gian giải quyết khiếu nại, tố cáo thì chưa thực hiện việc xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định này. Việc xử lý tài sản được thực hiện sau khi kết thúc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

9. Đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định này thông qua hợp đồng tặng cho hoặc hợp đồng chuyển quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ Luật dân sự hoặc thuộc trường hợp phải hạch toán ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về viện trợ, tài trợ và các quy định của pháp luật khác có liên quan thì không phải thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo quy định tại Nghị định này.

10. Đối với tài sản quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này thì không phải ban hành Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản. Quyết định tịch thu của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự là quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

11. Đối với vật chứng của vụ án đã có Quyết định xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật mà không phải tịch thu thì việc quản lý, xử lý vật chứng đó được thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan; không thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 5. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản

1. Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu thì cơ quan của người có thẩm quyền hoặc cơ quan trình người có thẩm quyền ra quyết định tịch thu theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

2. Đối với vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu theo quy định của pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền (bao gồm cả trường hợp tại các Bản án của tòa án yêu cầu trả lại một phần cho đồng sở hữu và tịch thu một phần tài sản) thì Sở Tài chính là

đơn vị chủ trì quản lý đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp tỉnh và cơ quan thi hành án cấp quân khu chuyển giao hoặc trường hợp vật chứng, tài sản của người bị kết án bị tịch thu đang được lưu giữ trên địa bàn tỉnh; Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây gọi là Phòng Tài chính - Kế hoạch) là đơn vị chủ trì quản lý đối với tài sản do cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao.

Riêng đối với vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thì cơ quan thi hành án là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

3. Đối với vật chứng vụ án do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát ra quyết định tịch thu thì cơ quan, đơn vị đã ra quyết định tịch thu là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

4. Đối với bất động sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không có người thừa kế thì Sở Tài chính nơi có tài sản là đơn vị chủ trì quản lý đối với bất động sản, Phòng Tài chính - Kế hoạch nơi có tài sản là đơn vị chủ trì quản lý đối với động sản; trường hợp một vụ việc bao gồm nhiều loại tài sản khác nhau (bất động sản và động sản) thì Sở Tài chính nơi có tài sản là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

5. Đối với tài sản bị chôn giấu, bị vùi lấp, chìm đắm thì Sở Tài chính là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

6. Đối với hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan thì Cục Hải quan là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

7. Đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam:

a) Đối với tài sản do các chuyên gia, nhà thầu, tư vấn nước ngoài thực hiện dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ không hoàn lại chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thì Ban quản lý dự án là đơn vị chủ trì quản lý tài sản; trường hợp Ban quản lý dự án đã bị giải thể thì cơ quan chủ quản dự án giao một cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

b) Đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam (không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này) mà khi chuyển giao đã xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản thì cơ quan, tổ chức, đơn vị là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

c) Đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam (không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này) mà khi chuyển giao không xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận, quản lý, sử dụng thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản được quy định như sau:

Đối với tài sản chuyển giao thông qua Bộ, cơ quan trung ương thì Bộ, cơ quan trung ương giao cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan trung ương là đơn vị chủ trì quản lý tài sản;

Đối với tài sản chuyển giao thông qua chính quyền địa phương thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

8. Đối với tài sản của quỹ xã hội, quỹ từ thiện bị giải thể:

a) Sở Nội vụ là đơn vị chủ trì quản lý tài sản đối với tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện thuộc về Nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể.

b) Cơ quan thuộc Bộ Nội vụ được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về quỹ xã hội, quỹ từ thiện trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quyết định giải thể quỹ xã hội, quỹ từ thiện là đơn vị chủ trì quản lý tài sản đối với tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện thuộc về Nhà nước do Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định giải thể.

9. Đối với tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời gian hoạt động:

a) Đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua Bộ, cơ quan trung ương thì Bộ, cơ quan trung ương giao cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan trung ương là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

b) Đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

10. Đối với tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư được chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án thì cơ quan ký kết hợp đồng dự án đối tác công tư là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

Điều 6. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì quản lý tài sản

1. Tổ chức thực hiện việc bảo quản tài sản từ khi tiếp nhận đến khi thực hiện việc xử lý theo phương án đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Riêng trường hợp tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao thì việc bảo quản tài sản thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên.

2. Lập hồ sơ, trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 3 Nghị định này và chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu, hồ sơ để làm cơ sở quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

3. Lập phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc lập hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản, gửi cơ quan quản lý tài sản công để lập phương án xử lý tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý.

Đối với tài sản vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền mà đơn vị chủ trì quản lý tài sản quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này có văn bản ủy quyền thực hiện xử lý tài sản cho cơ quan thi hành án cùng cấp theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự thực hiện xử lý tài sản thì cơ quan thi hành án được ủy quyền tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định này.

4. Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

5. Thanh toán các chi phí có liên quan đến quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, bao gồm cả phần giá trị tài sản thuộc về tổ chức, cá nhân (nếu có) theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện các trách nhiệm khác được quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Chương II **QUY ĐỊNH VỀ XỬ LÝ TÀI SẢN BỊ TỊCH THU THEO QUY ĐỊNH** **CỦA PHÁP LUẬT**

Mục 1 **XỬ LÝ TÀI SẢN LÀ TANG VẬT, PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM HÀNH CHÍNH** **BỊ TỊCH THU**

Điều 7. Bảo quản tài sản

1. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này có trách nhiệm tổ chức bảo quản tài sản trong thời gian chờ xử lý, trừ các tài sản được quy định tại khoản 2 Điều này.

Việc bảo quản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 108 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định 138/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu và giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính.

2. Các tài sản sau đây được chuyển giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để bảo quản:

a) Tài sản là bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật và vật khác có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa được chuyển giao cho:

Bảo tàng Lịch sử Quốc gia.

Bảo tàng nhà nước cấp tỉnh nơi có tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu.

b) Tài sản là vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, phương tiện đặc chủng và tài sản khác liên quan đến quốc phòng, an ninh do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc các cơ quan khác (ngoài đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân) ra quyết định tịch thu được chuyển giao cho:

Bộ Tư lệnh hoặc Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu.

Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu.

c) Tài sản là tiền Việt Nam, ngoại tệ, giấy tờ có giá (trừ chứng khoán), vàng, bạc, đá quý, kim loại quý được chuyển giao cho Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh (đối với tài sản do người có thẩm quyền thuộc trung ương hoặc cấp tỉnh ra quyết định tịch thu) hoặc Kho bạc Nhà nước cấp huyện (đối với tài sản do người có thẩm quyền thuộc cấp huyện hoặc cấp ra xã quyết định tịch thu) để bảo quản, trường hợp không có Kho bạc Nhà nước cấp huyện trên địa bàn thì chuyển giao cho Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh.

d) Tài sản là mẫu vật của các loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp (Công ước CITES) hoặc Danh mục những loài nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I theo quy định của Chính phủ (trừ loài thủy sản thực hiện theo điểm đ khoản này) được chuyển giao cho vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài sinh cảnh, vườn động vật, vườn thực vật, Bảo tàng thiên nhiên, cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ sở bảo tồn, trung tâm, trạm cứu hộ để bảo quản đối với mẫu vật đã chết hoặc chăm

sóc đối với mẫu vật còn sống bảo đảm phù hợp với từng loại mẫu vật và điều kiện của nơi được chuyển giao.

đ) Tài sản là mẫu vật của các loài thủy sản thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm nhóm I (bao gồm cả các loài thủy sản thuộc Phụ lục I Công ước CITES) còn sống hoặc đã chết hoặc các bộ phận, sản phẩm của chúng không được sử dụng vào mục đích thương mại theo quy định của pháp luật được chuyển giao cho khu bảo tồn biển; vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo tồn loài sinh cảnh; bảo tàng thiên nhiên, cơ sở bảo tồn, trung tâm cứu hộ, trạm cứu hộ; các cơ sở nghiên cứu khoa học, giáo dục và đào tạo (bao gồm cả cơ sở nghiên cứu nhân giống, giáo dục, viện nghiên cứu chuyên ngành).

e) Tài sản khác có yêu cầu quản lý đặc biệt theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 108 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công:

Tài sản là chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân và thiết bị hạt nhân được chuyển giao cho Cục An toàn bức xạ và hạt nhân. Việc chuyển giao được thực hiện theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử.

Tài sản là hóa chất nguy hiểm, hóa chất độc hại được chuyển giao cho đơn vị có chức năng chuyên môn, đủ điều kiện để bảo quản tài sản đối với hóa chất độc hại, hóa chất nguy hiểm theo quy định của pháp luật về hóa chất.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công khai danh sách các cơ sở thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý được nhận chuyển giao tài sản quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều này trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

4. Việc chuyển giao tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành để bảo quản theo quy định tại khoản 2 Điều này được lập thành Biên bản theo Mẫu số 06-BBBQ tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 8. Hình thức xử lý tài sản

1. Giao tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý, xử lý đối với tài sản quy định tại khoản 1 Điều 109 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, cụ thể:

a) Bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật và vật khác có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa được giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

b) Vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ, phương tiện đặc chủng và tài sản khác liên quan đến quốc phòng, an ninh được giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

c) Tài sản là mẫu vật của các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục I của Công ước CITES hoặc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm Nhóm 1 theo quy định của Chính phủ được giao cho vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài sinh cảnh, vườn động vật, vườn thực vật, bảo tàng thiên nhiên, cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ sở bảo tồn, cơ sở cứu hộ để sử dụng vào mục đích bảo tồn, làm mẫu vật nhận dạng loài, nghiên cứu khoa học, đào tạo, giáo dục môi trường, bảo tàng chuyên ngành bảo đảm phù hợp với từng loại mẫu vật và điều kiện của nơi được chuyển giao.

d) Chất phóng xạ, vật liệu hạt nhân và thiết bị hạt nhân, hóa chất nguy hiểm, hóa chất độc hại được giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành quy định tại điểm e khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

đ) Tài sản là gỗ nhập khẩu bị tịch thu trả lại nước khai thác; tài sản là gỗ bị tịch thu sử dụng làm mẫu trong cơ sở dữ liệu nhận dạng gỗ được chuyển giao cho quản lý chuyên ngành quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

2. Giao tài sản hoặc điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng như sau:

a) Giao tài sản được áp dụng trong trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận tài sản là đơn vị cấp dưới của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý.

b) Điều chuyển tài sản được áp dụng trong các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này.

Việc giao, điều chuyển tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản này phải căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Nộp vào ngân sách nhà nước đối với tiền Việt Nam, ngoại tệ. Đối với ngoại tệ không nộp trực tiếp vào ngân sách nhà nước thì thực hiện xử lý theo hình thức bán để nộp ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy trong trường hợp không thực hiện xử lý theo hình thức bán.

4. Bán đối với tài sản không thuộc quy định tại các khoản 1, 3, 5 và 6 Điều này hoặc tài sản quy định tại khoản 2 Điều này nhưng không áp dụng được hình thức xử lý giao, điều chuyển, hình thức xử lý khác.

Riêng đối với tài sản là gỗ bị tịch thu được xử lý theo hình thức bán không vì mục đích thu lợi nhuận theo Thỏa thuận giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ về khai thác và thương mại gỗ bất hợp pháp được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Thanh lý theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ đối với tài sản không đáp ứng tiêu chuẩn/quy chuẩn/điều kiện lưu thông trên thị trường. Việc tổ chức thực hiện thanh lý thực hiện theo quy định tại khoản 23 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

6. Tiêu hủy được áp dụng đối với:

a) Tài sản không còn giá trị sử dụng gồm: hàng hóa đã hư hỏng; hàng hóa quá hạn sử dụng hoặc hạn sử dụng dưới 30 ngày theo hạn ghi trên bao bì, nhãn hàng; hàng hóa, vật phẩm không thể xử lý theo các hình thức quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.

b) Tài sản không còn khả năng sử dụng; tài sản là hàng hóa thuộc danh mục cấm sản xuất, cấm nhập khẩu, cấm kinh doanh, cấm lưu thông do các Bộ quản lý chuyên ngành công bố theo quy định của pháp luật nhưng không xử lý được theo các hình thức quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này; tài sản có chi phí kiểm nghiệm, kiểm định, giám định để bán hoặc chi phí thực hiện bán lớn hơn số tiền dự kiến thu được nếu thực hiện xử lý theo hình thức bán; tài sản không đủ mẫu để kiểm định, giám định chất lượng theo quy định; tài sản không đáp ứng tiêu chuẩn/quy chuẩn/điều kiện lưu thông trên thị trường do các Bộ quản lý chuyên ngành công bố theo quy định của pháp luật.

c) Hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người; văn hóa phẩm độc hại theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; ma túy, hàng giả; hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; hàng có chứa thành phần, nội dung vi phạm chủ quyền quốc gia và các tài sản khác buộc phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

d) Mẫu vật các loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật, động vật hoang dã nguy cấp (Công ước CITES) có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên; mẫu vật các loài thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP; thủy sản nguy cấp, quý, hiếm đã chết; vật nuôi, cây trồng, động vật rừng đã chết; tài sản là sản phẩm chế tác từ động vật rừng và các tài sản khác buộc phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

đ) Gỗ không xử lý được theo hình thức quy định điểm đ khoản 1 và khoản 4 Điều này.

7. Hình thức xử lý khác theo quy định của pháp luật.

8. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết xử lý tài sản là động vật, thực vật rừng; động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục Công ước CITES.

Điều 9. Trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản

1. Trường hợp phương án xử lý tài sản do Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này, cơ quan quản lý tài sản công quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (đối với tài sản do người có thẩm quyền thuộc Trung ương quản lý ra quyết định tịch thu) hoặc Sở Tài chính (đối với tài sản do người có thẩm quyền thuộc địa phương quản lý ra quyết định tịch thu) có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản, báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt.

2. Trường hợp phương án xử lý tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định này phê duyệt:

a) Cơ quan quản lý tài sản công quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản trong trường hợp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương phê duyệt phương án xử lý tài sản.

b) Đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản trong các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này.

3. Trường hợp phương án xử lý tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định này phê duyệt:

a) Sở Tài chính có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản trong trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản.

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản trong trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản.

c) Đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý tài sản trong các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

Điều 10. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển giữa các bộ, cơ quan trung ương, giữa trung ương và địa phương, giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Cơ quan, người được Bộ, cơ quan trung ương quy định thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 5 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Dự trữ quốc gia; Luật Thuế thu nhập cá nhân; Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2024 (sau đây gọi là Luật sửa đổi, bổ sung)) phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản do người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương ra quyết định tịch thu, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Cơ quan, người được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 5 Luật sửa đổi, bổ sung) phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản do người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của địa phương ra quyết định tịch thu, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 11. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản trong trường hợp cơ quan quản lý tài sản công lập phương án

Trường hợp cơ quan quản lý tài sản công có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản theo quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 và điểm a, điểm b khoản 3 Điều 9 Nghị định này thì trình tự, thủ tục thực hiện như sau:

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định tịch thu/có kết quả giám định, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc ý kiến của các cơ quan chuyên ngành, đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản, gửi cơ quan quản lý cấp trên (trong trường hợp cơ quan chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên). Hồ sơ trình gồm:

a) Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 04-ĐXPA quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

b) Quyết định tịch thu: 01 bản sao.

c) Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị được tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cần nêu rõ sự phù hợp của đề nghị tiếp nhận tài sản với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản theo quy định): 01 bản chính.

d) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

Trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản gửi hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản trực tiếp tới cơ quan quản lý tài sản công có thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản theo quy định tại Điều 9 Nghị định này.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý cấp trên (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên) lập hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản, gửi cơ quan quản lý tài sản công có thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản theo quy định tại Điều 9 Nghị định này. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản của cơ quan quản lý cấp trên theo Mẫu số 04-ĐXPA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này: 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 30 ngày (hoặc 45 ngày trong trường hợp phải lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản không có cơ quan quản lý cấp trên), hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên), cơ quan quản lý tài sản công có trách nhiệm lập hồ sơ xử lý tài sản báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản công về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: 01 bản chính.

b) Phương án xử lý tài sản do cơ quan quản lý tài sản công lập theo Mẫu số 05-PA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

c) Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản không có cơ quan quản lý cấp trên), hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên): 01 bản sao.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản (đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này). Hồ sơ trình gồm:

Văn bản của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản (trong đó nêu rõ ý kiến về phương án do cơ quan quản lý tài sản công lập): 01 bản chính.

Ý kiến của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

Hồ sơ quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản không có cơ quan quản lý cấp trên), hồ sơ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên): 01 bản sao.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản 4 Điều này, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

Điều 12. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án

1. Đối với trường hợp thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản được Bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản thì trình tự, thủ tục thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định tịch thu/có kết quả giám định, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc ý kiến của các cơ quan chuyên ngành, đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập hồ sơ để trình thủ trưởng đơn vị xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản. Hồ sơ trình gồm:

Tờ trình của bộ phận chuyên môn của đơn vị chủ trì quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: 01 bản chính.

Phương án xử lý tài sản do đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập theo Mẫu số 05-PA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Quyết định tịch thu: 01 bản sao.

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị được tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cần nêu rõ sự phù hợp của đề nghị tiếp nhận tài sản với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản theo quy định): 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

2. Đối với trường hợp cơ quan quản lý cấp trên/Thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị chủ trì quản lý tài sản được Bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản thì trình tự, thủ tục thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định tịch thu/có kết quả giám định, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc ý kiến của các cơ quan chuyên ngành, đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập hồ sơ để trình cơ quan quản lý cấp trên/Thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản. Hồ sơ trình gồm:

Tờ trình của đơn vị chủ trì quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: 01 bản chính.

Phương án xử lý tài sản do đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập theo Mẫu số 05-PA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Quyết định tịch thu: 01 bản sao.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan quản lý cấp trên/Thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị chủ trì quản lý tài sản xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

3. Đối với trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền khác của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương (không phải là cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này) được Bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Nghị định này thì trình tự, thủ tục thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định tịch thu/có kết quả giám định, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc ý kiến của các cơ quan chuyên ngành, đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập hồ sơ gửi cơ quan quản lý cấp trên (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên) hoặc gửi cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản không có cơ quan quản lý cấp trên). Hồ sơ trình gồm:

Tờ trình của đơn vị chủ trì quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: 01 bản chính.

Phương án xử lý tài sản do đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập theo Mẫu số 05-PA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Quyết định tịch thu: 01 bản sao.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan quản lý cấp trên (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên) lập hồ sơ gửi cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Nghị định này. Hồ sơ gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản (trong đó nêu rõ ý kiến về phương án xử lý tài sản do đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập): 01 bản chính.

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, (trong trường hợp đơn vị chủ trì không có cơ quan quản lý cấp trên), hồ sơ quy định tại điểm b khoản này (trong trường hợp đơn vị chủ trì có cơ quan quản lý cấp trên), cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

Điều 13. Tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản

1. Đối với tài sản được phê duyệt phương án giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý, xử lý:

a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được phương án xử lý tài sản được phê duyệt, đơn vị chủ trì quản lý tài sản thực hiện bàn giao tài sản và các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành được tiếp nhận. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 07-BBGN tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp tài sản được giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý, xử lý không phải là cơ quan đang bảo quản tài sản theo quy định tại Điều 7 Nghị định này thì thực hiện ký biên bản giao nhận 03 Bên (Đơn vị chủ trì quản lý tài sản – Cơ quan quản lý chuyên ngành bảo quản tài sản – Cơ quan quản lý chuyên ngành được giao tài sản để quản lý, xử lý). Trường hợp cơ quan đang bảo quản tài sản là cơ quan quản lý chuyên ngành được giao quản lý, xử lý tài sản thì không phải lập Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản nhưng phải thực hiện bàn giao các hồ sơ, giấy tờ liên quan.

b) Sau khi tiếp nhận, cơ quan quản lý chuyên ngành có trách nhiệm thực hiện quản lý, xử lý tài sản tiếp nhận theo quy định của pháp luật có liên quan. Riêng đối với tài sản là gỗ nhập khẩu bị tịch thu chuyển giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để trả lại nước khai thác và tài sản là gỗ bị tịch thu để sử dụng làm mẫu trong

cơ sở dữ liệu nhận dạng gỗ thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Đối với tài sản được phê duyệt phương án giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng:

a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày phương án xử lý tài sản được phê duyệt, đơn vị chủ trì quản lý tài sản thực hiện bàn giao tài sản và các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 07-BBGN tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Sau khi tiếp nhận tài sản, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao hoặc được nhận điều chuyển tài sản có trách nhiệm hạch toán tăng tài sản, thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

3. Đối với tài sản là tiền Việt Nam:

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được phương án xử lý tài sản được phê duyệt, Kho bạc Nhà nước thực hiện hạch toán nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Đối với tài sản là ngoại tệ:

a) Đối với ngoại tệ bằng tiền mặt: Đơn vị chủ trì quản lý tài sản bán số ngoại tệ này cho các ngân hàng thương mại được phép hoạt động ngoại hối hoặc đại lý thu đổi ngoại tệ của ngân hàng thương mại được phép hoạt động ngoại hối để chuyển nộp ngân sách nhà nước bằng đồng Việt Nam.

b) Đối với ngoại tệ trên tài khoản:

b.1) Đối với ngoại tệ không thuộc cơ cấu dự trữ ngoại hối của Nhà nước theo quy định của pháp luật về ngoại hối thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản thực hiện bán trực tiếp cho tổ chức có chức năng kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên địa bàn. Giá bán ngoại tệ theo tỷ giá tại thời điểm bán nhưng không thấp hơn tỷ giá mua tham khảo tại Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm bán. Việc bán ngoại tệ thực hiện theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ, ngoại hối.

Trường hợp tổ chức có chức năng kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên địa bàn không mua thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về ngân hàng trên địa bàn về việc tiêu hủy đối với ngoại tệ này; trên cơ sở đó, đơn vị chủ trì quản lý tài sản báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định điều chỉnh phương án xử lý tài sản theo hình thức tiêu hủy.

b.2) Đối với ngoại tệ thuộc cơ cấu dự trữ ngoại hối của Nhà nước theo quy định của pháp luật về ngoại hối thì đơn vị chủ quản lý tài sản thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này hoặc nộp vào tài khoản ngoại tệ của Kho bạc Nhà nước tại ngân hàng; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm mua số ngoại tệ trên và chuyển đồng Việt Nam cho ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngoại hối và cơ chế phối hợp giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Kho bạc Nhà nước.

5. Đối với tài sản (trừ ngoại tệ) được phê duyệt phương án bán, việc tổ chức thực hiện theo quy định tại Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Nghị định này. Trường hợp tài sản được xử lý theo hình thức bán nhưng không bán được thì đơn vị chủ trì quản

lý tài sản báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản xem xét, điều chỉnh phương án xử lý tài sản theo các hình thức phù hợp quy định tại Điều 8 Nghị định này.

6. Đối với tài sản được phê duyệt phương án tiêu hủy:

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phương án xử lý tài sản được phê duyệt, đơn vị chủ trì quản lý tài sản thành lập Hội đồng tiêu hủy hoặc thuê tổ chức, đơn vị có chức năng tiêu hủy để thực hiện tiêu hủy. Trường hợp thành lập Hội đồng tiêu hủy thì Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản hoặc người được Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản uỷ quyền làm Chủ tịch, các thành viên khác gồm: đại diện cơ quan tài chính cùng cấp hoặc cơ quan tài chính tại địa bàn thực hiện tiêu hủy tài sản và đại diện các cơ quan chuyên môn liên quan.

Việc lựa chọn tổ chức, đơn vị có chức năng tiêu hủy để thực hiện tiêu hủy tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

b) Hình thức tiêu hủy và tổ chức thực hiện:

Tùy thuộc vào tính chất, đặc điểm của tài sản và yêu cầu đảm bảo vệ sinh môi trường, việc tiêu hủy được thực hiện theo một trong các hình thức sau: Sử dụng hóa chất; sử dụng biện pháp cơ học; hủy đốt; hủy chôn; hình thức khác theo quy định của pháp luật;

Việc tiêu hủy tài sản phải được lập biên bản. Nội dung chủ yếu của biên bản gồm có: Căn cứ thực hiện tiêu hủy; thời gian, địa điểm tiêu hủy; thành phần tham gia tiêu hủy; tên, chủng loại, số lượng, hiện trạng của tài sản tại thời điểm tiêu hủy; hình thức tiêu hủy và các nội dung khác có liên quan;

Trường hợp khi tiêu hủy có vật liệu, phế liệu thu hồi có thể bán thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản thực hiện bán vật liệu, phế liệu thu hồi theo hình thức bán đấu giá nếu có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên; bán theo hình thức niêm yết giá nếu có giá trị từ 10 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng; bán theo hình thức chỉ định nếu có giá trị dưới 10 triệu đồng. Trường hợp vật liệu, phế liệu thu hồi từ việc tiêu hủy không thể sử dụng được thì thực hiện hủy bỏ. Việc tổ chức bán theo hình thức đấu giá, niêm yết giá, chỉ định được thực hiện theo quy định tại các Điều 14, 15 và 16 Nghị định này. Việc xác định giá trị của vật liệu, phế liệu thu hồi thực hiện theo quy định tại Điều 91 Nghị định này.

Điều 14. Bán tài sản theo hình thức đấu giá

1. Việc bán tài sản được thực hiện theo hình thức đấu giá, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 15, khoản 1 Điều 16 Nghị định này.

2. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản tổ chức bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

3. Việc xác định giá khởi điểm để đấu giá tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Nghị định này.

4. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản và ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản để thực hiện đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và pháp luật có liên quan. Trường hợp không lựa chọn được tổ chức đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản thành lập Hội đồng đấu giá tài sản. Thành phần Hội đồng đấu giá tài sản gồm:

a) Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì quản lý tài sản hoặc người được uỷ quyền làm Chủ tịch;

b) Các thành viên khác gồm:

Đại diện bộ phận chuyên môn của đơn vị chủ trì quản lý tài sản;

Đại diện Sở Tư pháp, Sở Tài chính nơi xử lý tài sản đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh phê duyệt phương án xử lý và tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc trung ương phê duyệt phương án xử lý tài sản mà nơi xử lý tài sản nằm trên địa bàn thuộc địa bàn quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh nơi Sở Tư pháp, Sở Tài chính đóng trụ sở. Trường hợp trụ sở của Sở Tư pháp hoặc Sở Tài chính không nằm trên địa bàn thuộc địa bàn quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh nơi xử lý tài sản thì đại diện Phòng Tư pháp hoặc Phòng Tài chính – Kế hoạch nơi xử lý tài sản tham gia Hội đồng đấu giá tài sản.

Đại diện Phòng Tư pháp và Phòng Tài chính – Kế hoạch nơi xử lý tài sản đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện, cấp xã phê duyệt phương án xử lý tài sản và tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc trung ương phê duyệt phương án xử lý tài sản mà nơi xử lý tài sản nằm trên địa bàn không thuộc địa bàn quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh nơi Sở Tư pháp, Sở Tài chính đóng trụ sở.

Đại diện của cơ quan, tổ chức có liên quan.

5. Trình tự, thủ tục đấu giá tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản. Khi nộp số tiền thu được vào tài khoản tạm giữ, đơn vị chủ trì quản lý tài sản đồng thời nộp bản sao Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá cho chủ tài khoản tạm giữ quy định tại Điều 110 Nghị định này.

6. Việc xuất hóa đơn bán tài sản thực hiện theo quy định về hóa đơn bán tài sản công.

7. Trường hợp sau 02 lần đấu giá không thành thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản rà soát nguyên nhân và đề xuất giải pháp, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản xem xét, quyết định sau khi có ý kiến của cơ quan tư pháp, cơ quan tài chính cùng cấp. Trong đó, nếu xác định nguyên nhân không có người đăng ký tham gia đấu giá do giá khởi điểm cao, không còn phù hợp với giá trên thị trường thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản tổ chức xác định lại giá khởi điểm để làm cơ sở tổ chức bán lại.

Trường hợp trong vòng 06 tháng kể từ ngày tổ chức đấu giá lần đầu (sau khi đã tổ chức đấu giá tối thiểu 02 lần) mà vẫn chưa bán được thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản xem xét, quyết định hủy Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản theo hình thức bán đấu giá tài sản và đề xuất lại phương án xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định này.

Điều 15. Bán tài sản theo hình thức chỉ định

1. Việc bán tài sản theo hình thức chỉ định được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Hàng hóa dễ cháy, nổ (xăng, gas, dầu, khí hóa lỏng và các chất dễ cháy, nổ khác); thuốc chữa bệnh, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật mà hạn sử dụng còn dưới 60 ngày theo hạn ghi trên bao bì, nhãn hàng.

b) Tài sản không thuộc phạm vi quy định tại điểm a, điểm c khoản này của một vụ việc vi phạm có giá trị dưới 100 triệu đồng (trừ tài sản là ô tô).

c) Vật liệu, phế liệu thu hồi có giá trị dưới 10 triệu đồng khi tiêu hủy theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 13 Nghị định này.

2. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản tổ chức bán tài sản theo hình thức chỉ định.

3. Việc xác định giá bán tài sản được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Nghị định này.

4. Việc tổ chức thực hiện bán chỉ định thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 27 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi tại khoản 19 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

Điều 16. Bán tài sản theo hình thức niêm yết giá

1. Việc bán tài sản theo hình thức niêm yết giá được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Tài sản là hàng hóa nếu không xử lý ngay sau khi có quyết định tịch thu sẽ bị hư hỏng, bị mất giá trị, hết thời hạn sử dụng, gồm: hàng điện tử; hàng hóa và vật phẩm khác.

b) Hàng hóa, vật phẩm dễ bị hư hỏng nhưng còn giá trị sử dụng, gồm: thực phẩm tươi sống, dễ bị ôi thiu, khó bảo quản; thực phẩm đã qua chế biến và các loại hàng hóa khác mà hạn sử dụng còn dưới 30 ngày theo hạn ghi trên bao bì, nhãn hàng; hàng hóa có tính chất thời vụ (hàng tiêu dùng theo mùa, phục vụ lễ, tết).

Đơn vị chủ trì quản lý tài sản căn cứ kết quả kiểm tra của cơ quan kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc thuê tổ chức có chuyên môn nghiệp vụ (trong trường hợp hàng hóa không thuộc diện kiểm tra chuyên ngành) để xác định tính chất mau hỏng của tài sản tại điểm a, điểm b khoản này.

c) Tài sản không thuộc phạm vi quy định tại điểm a, b và d khoản này mà giá trị của một vụ việc vi phạm từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng/vụ việc (trừ tài sản là ô tô); vàng, bạc.

d) Vật liệu, phế liệu thu hồi có giá trị từ 10 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng khi tiêu hủy tài sản theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 13 Nghị định này.

2. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản tổ chức bán tài sản theo hình thức niêm yết giá.

3. Việc xác định giá niêm yết thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Nghị định này.

4. Việc tổ chức thực hiện bán niêm yết giá thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 26 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 23 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

MỤC 2

XỬ LÝ TÀI SẢN LÀ VẬT CHỨNG VỤ ÁN, TÀI SẢN CỦA NGƯỜI BỊ KẾT ÁN BỊ TỊCH THU

Điều 17. Bảo quản tài sản

1. Đối với vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu đã có quyết định thi hành án theo quy định của pháp luật (trừ tài sản là chứng khoán quy định tại khoản 3 Điều này) thì cơ quan thi hành án chuyển giao vật chứng, tài sản cho đơn vị

chủ trì quản lý tài sản quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này để bảo quản tài sản và xử lý theo quy định tại Nghị định này. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm tổ chức bảo quản tài sản cho đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản theo phương án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản không có kho, bãi để bảo quản tài sản thì có thể ủy quyền cho cơ quan thi hành án cùng cấp hoặc ký Hợp đồng thuê kho bảo quản tài sản.

Cơ quan thi hành án cùng cấp có trách nhiệm bảo quản vật chứng vụ án, tài sản khác bị tịch thu theo quy định của pháp luật về hình sự, pháp luật về tố tụng hình sự và pháp luật về thi hành án dân sự đến khi chuyển giao tài sản cho đơn vị chủ trì quản lý tài sản quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

Việc chuyển giao vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu đã có quyết định thi hành án cho đơn vị chủ trì quản lý tài sản phải có sự tham gia của Thủ trưởng cơ quan thi hành án hoặc người được Thủ trưởng cơ quan thi hành án ủy quyền, kế toán, thủ kho. Việc chuyển giao tài sản kèm theo hồ sơ về tài sản (bản sao bản án; bản chính quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án và các tài liệu khác có liên quan) và được lập thành Biên bản theo Mẫu số 07-BBGN tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Đối với vật chứng vụ án do cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra quyết định tịch thu ở giai đoạn khởi tố, điều tra, Viện kiểm sát ra quyết định tịch thu (trường hợp vụ án được đình chỉ ở giai đoạn truy tố):

a) Đơn vị chủ trì quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này chuyển giao tài sản cho cơ quan chuyên ngành để bảo quản đối với các tài sản quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

b) Đơn vị chủ trì quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này có trách nhiệm bảo quản đối với tài sản không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này theo quy định của pháp luật về hình sự, pháp luật về tố tụng hình sự cho đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản theo phương án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đối với vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu đã có quyết định thi hành án theo quy định của pháp luật là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thì cơ quan thi hành án có văn bản đề nghị Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam phong tỏa tài khoản của người có chứng khoán bị tịch thu và mở tài khoản lưu ký chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định của Bộ Tài chính về hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.

Điều 18. Hình thức xử lý tài sản

Hình thức xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

Điều 19. Trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản

1. Đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền:

a) Trường hợp phương án xử lý tài sản do Bộ trưởng Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo quy định tại

khoản 1, khoản 3 Điều 20 Nghị định này, Sở Tài chính có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản.

b) Trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản.

2. Đối với tài sản là vật chứng vụ án do cơ quan điều tra, viện kiểm sát quyết định tịch thu:

a) Trường hợp phương án xử lý tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định này phê duyệt, cơ quan quản lý tài sản công thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản.

b) Trường hợp phương án xử lý tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định này phê duyệt, cơ quan quản lý tài sản công thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản đối với trường hợp phương án xử lý tài sản do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao phê duyệt.

c) Đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản trong các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

Điều 20. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển giữa các bộ, cơ quan trung ương, giữa trung ương và địa phương, giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Cơ quan, người được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quy định thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 5 Luật sửa đổi, bổ sung) phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là vật chứng vụ án do cơ quan điều tra, viện kiểm sát ra quyết định tịch thu, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Cơ quan, người được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 5 Luật sửa đổi, bổ sung) phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 21. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền

1. Trường hợp phương án xử lý tài sản do Sở Tài chính lập:

a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bàn giao đầy đủ tài sản bị tịch thu trong một bản án, quyết định thi hành án từ cơ quan thi hành án hoặc kể từ ngày có kết quả giám định, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc ý kiến của các cơ quan chuyên ngành, Sở Tài chính có trách nhiệm lập hồ sơ xử lý tài sản, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính để xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản (đối với trường

hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Tài chính). Hồ sơ xử lý tài sản gồm:

Tờ trình của Sở Tài chính về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: 01 bản chính;

Phương án xử lý tài sản do Sở Tài chính lập theo Mẫu số 05-PA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

Quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền: 01 bản sao;

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị được tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển; trong đó cần nêu rõ sự phù hợp của đề nghị tiếp nhận tài sản với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản): 01 bản chính.

Ý kiến của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính để xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền. Hồ sơ báo cáo gồm:

Văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản (trong đó nêu rõ ý kiến về phương án xử lý tài sản do Sở Tài chính lập): 01 bản chính.

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao;

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

2. Trường hợp phương án xử lý tài sản do Phòng Tài chính - Kế hoạch lập:

a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bàn giao đầy đủ tài sản bị tịch thu trong một bản án, quyết định thi hành án từ cơ quan thi hành án từ cơ quan thi hành án hoặc kể từ ngày có kết quả giám định, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc ý kiến của các cơ quan chuyên ngành, Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm lập hồ sơ xử lý tài sản, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện. Hồ sơ trình gồm:

Tờ trình của Phòng Tài chính - Kế hoạch về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: 01 bản chính.

Phương án xử lý tài sản do Phòng Tài chính - Kế hoạch lập theo Mẫu số 05-PA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (đối với trường hợp do Ủy ban nhân dân cấp huyện/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt): 01 bản chính.

Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản do Phòng Tài chính - Kế hoạch lập theo Mẫu số 04-ĐXPA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (đối với trường hợp phương án xử lý tài sản do Bộ trưởng Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt): 01 bản chính.

Quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền: 01 bản sao.

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị được tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp xử

lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cần nêu rõ sự phù hợp của đề nghị tiếp nhận tài sản với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản theo quy định): 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp huyện/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Sở Tài chính để lập phương án xử lý, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ trình gồm:

Tờ trình của Sở Tài chính về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: 01 bản chính.

Phương án xử lý tài sản do Sở Tài chính lập theo Mẫu số 05-PA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị Sở Tài chính lập phương án xử lý tài sản để báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản chính.

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền. Hồ sơ báo cáo gồm:

Văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản (trong đó nêu rõ ý kiến về phương án xử lý tài sản do Sở Tài chính lập): 01 bản chính.

Ý kiến của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

Hồ sơ quy định tại điểm b khoản này: 01 bản sao.

d) Căn cứ hồ sơ quy định tại điểm c khoản này, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

Điều 22. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là vật chứng vụ án do cơ quan điều tra, viện kiểm sát quyết định tịch thu

1. Trường hợp cơ quan quản lý tài sản công có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định này thì trình tự, thủ tục thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định tịch thu hoặc kể từ ngày có kết quả giám định, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc ý kiến của các cơ quan chuyên ngành, đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản, gửi cơ quan quản lý cấp trên (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan cấp trên). Hồ sơ gồm:

Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản do đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập theo Mẫu số 04-ĐXPA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Quyết định tịch thu: 01 bản sao.

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị được tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp xử lý

theo hình thức giao hoặc điều chuyển cần nêu rõ sự phù hợp của đề nghị tiếp nhận tài sản với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản theo quy định): 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

Trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản gửi hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản trực tiếp tới cơ quan quản lý tài sản công có thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định này.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan quản lý cấp trên (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan cấp quản lý trên) lập hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản gửi cơ quan quản lý tài sản công có thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định này. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản do cơ quan quản lý cấp trên lập theo Mẫu số 04-ĐXPA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 30 ngày (hoặc 60 ngày trong trường hợp phải lấy ý kiến các cơ quan có liên quan), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này (đối với trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản không có cơ quan quản lý cấp trên), hồ sơ quy định tại điểm b khoản này (đối với trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên), cơ quan quản lý tài sản công có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản để báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Hồ sơ gồm:

Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản công thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: 01 bản chính.

Phương án xử lý tài sản do cơ quan quản lý tài sản công lập theo Mẫu số 05-PA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này (đối với trường hợp đơn vị chủ trì không có cơ quan quản lý cấp trên), điểm b khoản này (đối với trường hợp đơn vị chủ trì có cơ quan quản lý cấp trên): 01 bản sao.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm c khoản này, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản. Hồ sơ báo cáo, đề nghị gồm:

Văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản (trong đó nêu rõ ý kiến về phương án do cơ quan quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý lập): 01 bản chính.

Ý kiến của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

Hồ sơ quy định tại điểm c khoản này: 01 bản sao.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm d khoản này, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

2. Trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định này thì trình tự, thủ tục thực hiện như sau:

a) Đối với trường hợp Thủ trưởng đơn vị quản lý tài sản được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quy định thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định này thì trình tự, thủ tục thực hiện như sau:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định tịch thu/có kết quả giám định, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc ý kiến của các cơ quan chuyên ngành, đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập hồ sơ xử lý tài sản để trình Thủ trưởng đơn vị xem xét, quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản. Hồ sơ trình gồm:

Tờ trình của bộ phận chuyên môn của đơn vị chủ trì quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: 01 bản chính.

Phương án xử lý tài sản do đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập theo Mẫu số 05-PA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Quyết định tịch thu: 01 bản sao.

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị được tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cần nêu rõ sự phù hợp của đề nghị tiếp nhận tài sản với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản theo quy định): 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại điểm này, Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản.

b) Đối với trường hợp cơ quan quản lý cấp trên/Thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị chủ trì quản lý tài sản được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quy định thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định này thì trình tự, thủ tục thực hiện như sau:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định tịch thu/có kết quả giám định, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc ý kiến của các cơ quan chuyên ngành, đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập hồ sơ xử lý tài sản trình cơ quan quản lý cấp trên/Thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị chủ trì quản lý tài sản xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản. Hồ sơ trình gồm:

Tờ trình của đơn vị chủ trì quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 05-PA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Phương án xử lý tài sản do đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập: 01 bản chính.

Quyết định tịch thu: 01 bản sao.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm này, cơ quan quản lý cấp trên/Thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị chủ trì quản lý tài sản xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý không phù hợp.

3. Đối với trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền khác của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (không phải là cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này) được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quy định thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài

sản theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định này thì trình tự, thủ tục thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định tịch thu/có kết quả giám định, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc ý kiến của các cơ quan chuyên ngành, đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập hồ sơ xử lý tài sản gửi cơ quan quản lý cấp trên (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên) hoặc gửi cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản không có cơ quan quản lý cấp trên). Hồ sơ gồm:

Tờ trình của đơn vị chủ trì quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: 01 bản chính.

Phương án xử lý tài sản do đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập theo Mẫu số 05-PA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Quyết định tịch thu: 01 bản sao.

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị được tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cần nêu rõ sự phù hợp của đề nghị tiếp nhận tài sản với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản theo quy định): 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan quản lý cấp trên (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên) lập hồ sơ xử lý tài sản gửi cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định này. Hồ sơ gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản (trong đó nêu rõ ý kiến về phương án xử lý tài sản do đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập): 01 bản chính.

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, (trong trường hợp đơn vị chủ trì không có cơ quan quản lý cấp trên), hồ sơ quy định tại điểm b khoản này (trong trường hợp đơn vị chủ trì có cơ quan quản lý cấp trên), cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định này xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý không phù hợp.

4. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quy định đơn vị chủ trì quản lý tài sản lấy ý kiến của cơ quan quản lý tài sản công cùng cấp về phương án xử lý tài sản trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 23. Tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản

1. Việc tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản (trừ tài sản là chứng khoán quy định tại khoản 2 Điều này) được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt được thực hiện theo quy định tương ứng tại các Điều 13, 14, 15 và 16 Nghị định này. Riêng việc xác định giá khởi điểm để bán đấu giá, xác định giá bán chỉ định hoặc niêm yết giá thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 93 Nghị định này.

2. Đối với tài sản là chứng khoán là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu theo quy định của pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự được xử lý theo hình thức bán đấu giá. Việc bán đấu giá thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

3. Đối với trường hợp tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu theo quy định của pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự mà tại các Bản án của tòa yêu cầu trả lại một phần cho đồng sở hữu và tịch thu một phần tài sản thì sau khi hoàn thành việc xử lý tài sản theo phương án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị chủ trì quản lý tài sản thực hiện hoàn trả phần tài sản cho đồng sở hữu theo yêu cầu tại Bản án của tòa.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ TÀI SẢN LÀ BẤT ĐỘNG SẢN VÔ CHỦ, BỊ ĐÁNH RƠI, BỎ QUÊN, DI SẢN KHÔNG CÓ NGƯỜI THỪA KẾ

Điều 24. Bảo quản tài sản

1. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định này chuyển giao tài sản cho cơ quan chuyên ngành để bảo quản đối với các tài sản quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

2. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định này có trách nhiệm bảo quản đối với tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này từ khi tiếp nhận đến khi hoàn thành việc xử lý theo phương án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 25. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi có tài sản) quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với:

a) Tài sản là bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật và vật khác có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

b) Tài sản của các vụ việc xử lý bao gồm cả bất động sản và động sản.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (nơi có tài sản) quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không có người thừa kế không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 26. Trình tự, thủ tục quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với bất động sản vô chủ

1. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày hoàn thành thủ tục xác định chủ sở hữu theo quy định của pháp luật về dân sự mà không xác định được ai là chủ sở hữu của bất động sản, cơ quan đã tiếp nhận thông tin về bất động sản vô chủ (Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã) có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch.

Hồ sơ gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch bao gồm:

a) Báo cáo quá trình xác định chủ sở hữu đối với bất động sản từ khi phát hiện: 01 bản chính.

b) Bảng kê địa điểm, diện tích, hiện trạng bất động sản: 01 bản chính.

c) Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình xác định chủ sở hữu đối với bất động sản: 01 bản sao.

2. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm lập Tờ trình kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp, gửi Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi, Sở Tài chính có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do Sở Tài chính trình theo quy định tại khoản 2 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

Điều 27. Trình tự, thủ tục quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên

1. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày hoàn thành thủ tục xác định chủ sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật về dân sự, cơ quan đã tiếp nhận thông tin về tài sản bị đánh rơi, bỏ quên (Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã) có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên thuộc về Nhà nước.

Hồ sơ gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch bao gồm:

a) Báo cáo quá trình xác định chủ sở hữu tài sản từ khi phát hiện; căn cứ xác định tài sản thuộc về Nhà nước: 01 bản chính.

b) Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, hiện trạng của tài sản, giá trị (nếu có thông tin về giá trị): 01 bản chính.

c) Biên bản giao nộp tài sản của người nhặt được hoặc người phát hiện tài sản bị đánh rơi, bỏ quên: 01 bản sao.

d) Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình xác định chủ sở hữu tài sản: 01 bản sao.

2. Đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên thuộc thẩm quyền quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm lập Tờ trình kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

3. Đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên thuộc thẩm quyền quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm lập Tờ trình kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để gửi Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi, Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do Phòng Tài chính - Kế hoạch, Sở Tài chính trình theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, Chủ tịch Ủy

ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

Điều 28. Trình tự, thủ tục quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là di sản không có người thừa kế

1. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản từ chối quyền hưởng di sản của người thừa kế hoặc bản án, quyết định của Tòa án xác định người đó không được quyền hưởng di sản thừa kế theo quy định của pháp luật về dân sự hoặc kể từ ngày hết thời hiệu yêu cầu chia di sản mà không có người chiếm hữu theo quy định của pháp luật dân sự, hoặc kể từ ngày nhận được văn bản từ bỏ phần quyền sở hữu đối với tài sản sở hữu chung quy định tại khoản 4 Điều 218 Bộ Luật Dân sự, tổ chức hành nghề công chứng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mở thừa kế có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch.

Hồ sơ gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch bao gồm:

- a) Báo cáo quá trình mở thừa kế đối với di sản: 01 bản chính.
- b) Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, hiện trạng của di sản, giá trị (nếu có thông tin về giá trị): 01 bản chính.
- c) Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình mở thừa kế, văn bản từ chối quyền hưởng di sản, bản án hoặc quyết định của Tòa án xác định người không được quyền hưởng di sản thừa kế (nếu có): 01 bản sao.
- d) Văn bản từ bỏ phần quyền sở hữu đối với tài sản sở hữu chung quy định tại khoản 4 Điều 218 Bộ Luật Dân sự: 01 bản chính.

2. Đối với di sản không có người thừa kế thuộc thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm lập Tờ trình kèm hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

3. Đối với di sản không có người thừa kế thuộc thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm lập Tờ trình kèm bản sao hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp gửi Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi, Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do Phòng Tài chính - Kế hoạch, Sở Tài chính trình theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

Điều 29. Hình thức xử lý tài sản

1. Giao tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý, xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

2. Giao tài sản hoặc điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

3. Bán đấu giá; bán trực tiếp (bán chỉ định, bán niêm yết giá).

4. Nộp vào ngân sách nhà nước đối với tiền Việt Nam.

Điều 30. Trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản

1. Sở Tài chính có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 31. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển từ địa phương về Bộ, cơ quan trung ương hoặc giữa các địa phương.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản do mình quyết định xác lập sở hữu toàn dân, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 32. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản

1. Trường hợp phương án xử lý tài sản do Sở Tài chính lập:

a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/có kết quả giám định, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc ý kiến của các cơ quan chuyên ngành, Sở Tài chính có trách nhiệm lập hồ sơ xử lý tài sản để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). Hồ sơ xử lý tài sản gồm:

Tờ trình của Sở Tài chính về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: 01 bản chính.

Phương án xử lý tài sản do Sở Tài chính lập theo Mẫu số 05-PA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản sao.

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị được tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cần nêu rõ sự phù hợp của đề nghị tiếp nhận tài sản với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản theo quy định): 01 bản chính.

Ý kiến của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp hoặc đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản (trong đó nêu rõ ý kiến về phương án xử lý tài sản do Sở Tài chính lập): 01 bản chính.

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

2. Trường hợp phương án xử lý tài sản do Phòng Tài chính - Kế hoạch lập:

a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/có kết quả giám định, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc ý kiến của các cơ quan chuyên ngành, Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm lập hồ sơ xử lý tài sản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt) hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với trường hợp phương án xử lý tài sản do Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt). Hồ sơ gồm:

Tờ trình của Phòng Tài chính - Kế hoạch về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: 01 bản chính.

Phương án xử lý tài sản do Phòng Tài chính - Kế hoạch lập theo Mẫu số 05-PA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (đối với trường hợp phương án xử lý tài sản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt): 01 bản chính.

Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 04-ĐXPA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (đối với trường hợp phương án xử lý tài sản do Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt).

Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản sao.

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị được tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cần nêu rõ sự phù hợp của đề nghị tiếp nhận tài sản với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản theo quy định): 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc báo cáo Sở Tài chính để lập phương án xử lý, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trường hợp phương án xử lý tài sản do Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt). Hồ sơ gửi Sở Tài chính gồm:

Văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: 01 bản chính.

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, Sở Tài chính lập hồ sơ xử lý tài sản báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:

Tờ trình của Sở Tài chính về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: 01 bản chính.

Phương án xử lý tài sản do Sở Tài chính lập theo Mẫu số 05-PA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Ý kiến của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

Hồ sơ quy định tại điểm b khoản này: 01 bản sao.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm c khoản này:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền. Hồ sơ đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính gồm:

Văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản (trong đó nêu rõ ý kiến về phương án xử lý tài sản do Sở Tài chính lập): 01 bản chính.

Hồ sơ quy định tại điểm b khoản này: 01 bản sao.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm d khoản này, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt phương án xử lý hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

Điều 33. Tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản

Việc tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tương ứng tại các Điều 13, 14, 15 và 16 Nghị định này. Riêng việc xác định giá khởi điểm để bán đấu giá, xác định giá bán chỉ định hoặc niêm yết giá thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 94 Nghị định này.

Chương IV

QUY ĐỊNH VỀ TÀI SẢN LÀ HÀNG HÓA TỒN ĐỘNG THUỘC ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG HẢI QUAN

Điều 34. Bảo quản tài sản

1. Cục Hải quan chuyên giao tài sản cho cơ quan chuyên ngành để bảo quản đối với hàng hóa tồn đọng thuộc tài sản quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

2. Cục Hải quan tổ chức việc bảo quản tài sản trong thời gian chờ xử lý đối với tài sản không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này. Việc bảo quản thực hiện theo quy định tại Nghị định 138/2021/NĐ-CP.

Điều 35. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân

Cục trưởng Cục Hải quan quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan.

Điều 36. Trình tự, thủ tục quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành thủ tục xác định chủ sở hữu theo quy định của pháp luật về hải quan mà không có người đến nhận, cơ quan hải quan nơi có hàng hóa tồn đọng tổ chức thực hiện kiểm kê, phân loại hàng hóa. Trường hợp cần thiết, cơ quan hải quan có thể thuê giám định, thẩm định để phục vụ việc kiểm kê, phân loại.

2. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc kiểm kê, phân loại, cơ quan hải quan nơi có hàng hóa tồn đọng có trách nhiệm lập hồ sơ trình Cục trưởng Cục Hải quan quản lý trực tiếp xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản bao gồm:

- a) Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản chính.
- b) Bảng kê tên tài sản, chủng loại, số lượng (trọng lượng), số, loại cont/số seal và các thông tin khác (nếu cần): 01 bản chính.
- c) Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình thông báo về tài sản và các hồ sơ, tài liệu khác (nếu có): 01 bản sao.
- d) Văn bản thông báo từ bỏ hàng hóa hoặc tài liệu chứng minh (nếu có): 01 bản sao.

đ) Văn bản từ bỏ hành lý tạm gửi hoặc quá thời hạn tạm gửi hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh (nếu có) theo quy định tại khoản 6 Điều 59 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan: 01 bản chính.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này, Cục trưởng Cục Hải quan xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

Điều 37. Hình thức xử lý tài sản

1. Giao tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý, xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

2. Giao tài sản hoặc điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

3. Bán đối với tài sản không thuộc quy định tại các khoản 1, 2, 4 Điều này hoặc tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này nhưng không áp dụng được hình thức giao hoặc điều chuyển.

4. Tiêu hủy đối với các loại tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định này.

5. Nộp vào ngân sách nhà nước đối với tiền Việt Nam. Đối với ngoại tệ xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này.

Điều 38. Trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản

1. Trường hợp phương án xử lý tài sản do Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 39 Nghị định này, cơ quan quản lý tài sản công của Bộ Tài chính quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản.

2. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản trong các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 39. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho Bộ, cơ quan trung ương hoặc địa phương.

2. Cơ quan, người được Bộ Tài chính quy định thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 5 Luật sửa đổi, bổ sung) phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 40. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản trong trường hợp cơ quan quản lý tài sản công lập phương án xử lý tài sản

Trường hợp cơ quan quản lý tài sản công lập phương án xử lý tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định này thì trình tự, thủ tục thực hiện như sau:

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/có kết quả giám định, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc ý kiến của các cơ quan chuyên ngành, đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản, gửi Tổng cục Hải quan. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản do đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập theo Mẫu số 04-ĐXPA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản sao.

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị được tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cần nêu rõ sự phù hợp của đề nghị tiếp nhận tài sản với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản theo quy định): 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Tổng cục Hải quan lập hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản gửi cơ quan quản lý tài sản công quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định này. Hồ sơ gồm:

Văn bản của Tổng cục Hải quan về đề xuất phương án xử lý tài sản (trong đó nêu rõ ý kiến về đề xuất phương án xử lý do đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập): 01 bản chính.

Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này: 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 30 ngày (hoặc 45 ngày trong trường hợp phải lấy ý kiến các cơ quan có liên quan), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý tài sản công quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định có trách nhiệm lập hồ sơ báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính. Hồ sơ báo cáo gồm:

Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản công của Bộ Tài chính: 01 bản chính.

Phương án xử lý tài sản do cơ quan quản lý tài sản công của Bộ Tài chính lập theo Mẫu số 05-PA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Ý kiến của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

Hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này: 01 bản sao.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

Điều 41. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý tài sản

Trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định này thì trình tự, thủ tục thực hiện như sau:

1. Trường hợp Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan được Bộ Tài chính quy định thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định này thì trình tự, thủ tục thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/có kết quả giám định, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc ý kiến của các cơ quan chuyên ngành, đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập hồ sơ xử lý tài sản trình Tổng cục Hải quan. Hồ sơ gồm:

Tờ trình của đơn vị chủ trì quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: 01 bản chính.

Phương án xử lý tài sản do đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập theo Mẫu số 05-PA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản sao.

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị được tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cần nêu rõ sự phù hợp của đề nghị tiếp nhận tài sản với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản theo quy định): 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý không phù hợp.

2. Trường hợp Cục trưởng Cục Hải quan được Bộ Tài chính quy định thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định này thì trình tự, thủ tục thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/có kết quả giám định, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc ý kiến của các cơ quan chuyên ngành, đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập hồ sơ xử lý tài sản, trình Cục trưởng Cục Hải quan. Hồ sơ trình gồm:

Tờ trình của bộ phận chuyên môn của đơn vị chủ trì quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: 01 bản chính.

Phương án xử lý tài sản do đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02-PAXL tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản sao.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Cục trưởng Cục Hải quan xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản.

3. Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền khác của Bộ Tài chính (không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này) được Bộ Tài chính quy định thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Nghị định này thì trình tự, thủ tục thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/có kết quả giám định, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc ý kiến của các cơ quan chuyên ngành, gửi cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản (trong trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là cơ quan cấp trên trực tiếp của đơn vị chủ trì quản lý tài sản) hoặc báo cáo cơ quan cấp trên (nếu có) để báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản (trong trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền phê

duyet phương án xử lý tài sản không phải là cơ quan cấp trên trực tiếp của đơn vị chủ trì quản lý tài sản). Hồ sơ trình gồm:

Tờ trình của đơn vị chủ trì quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: 01 bản chính.

Văn bản của cơ quan cấp trên của đơn vị chủ trì quản lý tài sản về phương án xử lý tài sản (trong trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản không phải là cơ quan cấp trên trực tiếp của đơn vị chủ trì quản lý tài sản): 01 bản chính.

Phương án xử lý tài sản do đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02-PAXL tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản sao.

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị được tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cần nêu rõ sự phù hợp của đề nghị tiếp nhận tài sản với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản theo quy định): 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý không phù hợp.

Điều 42. Tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản

1. Đối với tài sản xử lý theo hình thức quy định tại khoản 1, 2, 4 và 5 Điều 37 Nghị định này, việc tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

2. Đối với tài sản xử lý theo hình thức bán quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định này, việc tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản được thực hiện như sau:

a) Việc xác định giá khởi điểm để bán đấu giá, xác định giá bán chỉ định hoặc niêm yết giá thực hiện theo quy định tại Điều 94 Nghị định này.

b) Người mua tài sản là hàng hóa tồn đọng có trách nhiệm thanh toán tiền mua hàng và đưa hàng ra khỏi địa bàn hoạt động hải quan trong thời hạn theo quy định tại Hợp đồng mua bán tài sản nhưng tối đa không quá 15 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng. Sau thời hạn này, nếu người mua tài sản không thanh toán hoặc thanh toán mà không đến nhận, không đưa hàng hóa ra khỏi địa bàn hoạt động hải quan mà không có lý do chính đáng thì xử lý theo Hợp đồng mua bán tài sản và pháp luật về dân sự.

Người mua được tài sản có trách nhiệm thanh toán tiền mua tài sản cho đơn vị chủ trì quản lý tài sản, không phải làm thủ tục nhập khẩu, không phải nộp các loại thuế và lệ phí liên quan đến nhập khẩu.

c) Khi người mua tài sản thanh toán và đưa hàng ra khỏi địa bàn hoạt động hải quan, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm cung cấp bộ chứng từ cho người mua, gồm: Hóa đơn bán tài sản công (01 bản chính), Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá (01 bản chính) và Phiếu xuất kho của đơn vị được giao lưu giữ, bảo quản hàng hóa (01 bản chính).

d) Đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm bàn giao tài sản là hàng hóa tồn đọng cho người mua. Doanh nghiệp kinh doanh kho bãi, cảng, doanh nghiệp đại

lý, hãng tàu có trách nhiệm phối hợp giao hàng cho người mua hàng hóa tồn đọng và chịu chi phí giao, nhận, bốc dỡ, vận chuyển, bảo quản hàng đến thời điểm có quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền. Cơ quan hải quan chịu trách nhiệm thanh toán chi phí giao, nhận, bốc dỡ, vận chuyển, bảo quản hàng từ thời điểm có quyết định xác lập sở hữu toàn dân về tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền đến thời điểm hoàn thành việc xử lý.

đ) Các nội dung không quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này được thực hiện theo quy định tại các Điều 14, 15 và 16 Nghị định này.

Chương V

QUY ĐỊNH VỀ TÀI SẢN DO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ NGUYỆN CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CHO NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Điều 43. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân

Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam (trừ trường hợp không phải làm thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định này) được quy định như sau:

1. Đối với tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh

a) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao thông qua Bộ, cơ quan trung ương khác và chính quyền địa phương.

b) Cơ quan, người nào được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quy định thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản chuyển giao thông qua Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thì có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản.

2. Cơ quan, người nào được Bộ, cơ quan trung ương (bao gồm cả Bộ Quốc phòng, Bộ Công an) quy định thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua Bộ, cơ quan trung ương không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này thì có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản.

3. Cơ quan, người nào được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này thì có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản.

Điều 44. Trình tự, thủ tục quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản

1. Đối với tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam, đơn vị chủ trì quản lý tài sản căn cứ vào các quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng và pháp luật chuyên ngành liên quan đến tài sản xác định tính phù hợp của việc tiếp nhận tài sản chuyển giao và chịu trách nhiệm về việc xác định của mình.

Tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm toàn diện về tính hợp pháp của tài sản chuyển giao, không được lợi dụng việc chuyển giao để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Việc tiếp nhận tài sản phải đảm bảo không vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, pháp luật khác có liên quan và không ảnh hưởng đến tính công khai, minh bạch trong đấu thầu mua sắm tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Đơn vị đề nghị tiếp nhận tài sản chuyên giao chịu trách nhiệm toàn diện về sự đáp ứng của tài sản trong việc đảm bảo chất lượng công tác quản lý, chất lượng cung cấp dịch vụ công.

2. Trường hợp xác định việc tiếp nhận tài sản chuyên giao là phù hợp với quy định của pháp luật thì trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày tiếp nhận tài sản và các hồ sơ, tài liệu liên quan, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xem xét, có ý kiến về đề xuất của đơn vị và trình người có thẩm quyền xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân theo trình tự, thủ tục quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều này.

Hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản bao gồm:

- a) Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản chính.
- b) Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, giá trị (nếu có thông tin về giá trị), hiện trạng của tài sản: 01 bản chính.
- c) Các hồ sơ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, giá trị của tài sản chuyên giao và hình thức chuyên giao (nếu có): 01 bản sao.

Trường hợp không có cơ quan cấp trên thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản gửi hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản trực tiếp đến cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

3. Đối với tài sản thuộc tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh do tổ chức, cá nhân chuyên giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thông qua Bộ, cơ quan trung ương khác (không phải là Bộ Quốc phòng, Bộ Công an) và chính quyền địa phương:

a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan quản lý cấp trên lập hồ sơ báo cáo Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên về việc đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản chính.

Hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này: 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản không có cơ quan quản lý cấp trên) hoặc hồ sơ quy định tại điểm a khoản này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên), Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo thẩm quyền. Hồ sơ gồm:

Văn bản của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản chính.

Hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản không có cơ quan quản lý cấp trên) hoặc hồ sơ quy định tại điểm a khoản

này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên): 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

4. Đối với tài sản thuộc tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thông qua Bộ Quốc phòng, Bộ Công an:

a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan quản lý cấp trên lập hồ sơ báo cáo người có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 43 Nghị định này xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản. Hồ sơ gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên về việc đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản chính.

Hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này: 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản không có cơ quan quản lý cấp trên) hoặc hồ sơ quy định tại điểm a khoản này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên), người có thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều 43 Nghị định này xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

5. Đối với tài sản khác (không thuộc tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh) do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam:

a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan quản lý cấp trên lập hồ sơ báo cáo người có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 43 Nghị định này xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản. Hồ sơ gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên về việc đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản chính.

Hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này: 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản không có cơ quan quản lý cấp trên) hoặc hồ sơ quy định tại điểm a khoản này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên), người có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 43 Nghị định này xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

6. Trường hợp xác định việc chuyển giao tài sản không phù hợp với quy định của pháp luật thì cơ quan, tổ chức, đơn vị được đề nghị tiếp nhận phải từ chối tiếp nhận; trường hợp không từ chối được thì thực hiện báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này và đề xuất xử lý theo các hình thức quy định tại Điều 45 Nghị định này.

Điều 45. Hình thức xử lý tài sản

1. Giao tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý, xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

2. Giao tài sản hoặc điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

3. Giao hoặc điều chuyển cho đối tượng được giao quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng. Việc xác định đối tượng được giao quản lý đối với từng loại tài sản kết cấu hạ tầng được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng (nếu có) và pháp luật có liên quan.

4. Bán đối với tài sản không thuộc quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này hoặc tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này nhưng không áp dụng được hình thức giao hoặc điều chuyển.

Điều 46. Trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản

1. Trường hợp phương án xử lý tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 47 Nghị định này phê duyệt:

a) Cơ quan quản lý tài sản công quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản trong trường hợp Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương phê duyệt phương án xử lý tài sản.

b) Đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản trong các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này.

2. Trường hợp phương án xử lý tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều 47 Nghị định này phê duyệt:

a) Sở Tài chính có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 05-PA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản.

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 05-PA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản.

c) Đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý tài sản trong các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

Điều 47. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản

1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt giao tài sản kết cấu hạ tầng theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp cho doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập hoặc doanh nghiệp nhà nước là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được chuyển đổi từ doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt phương án điều chuyển tài sản giữa các bộ, cơ quan trung ương, giữa trung ương và địa phương, giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. Cơ quan, người được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quy định thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 5 Luật sửa đổi, bổ sung) đối với tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua Bộ Quốc phòng, Bộ Công an,

trừ trường hợp xử lý theo hình thức điều chuyển giữa Bộ Quốc phòng với Bộ Công an và điều chuyển từ Bộ Quốc phòng, Bộ Công an sang Bộ, cơ quan trung ương khác hoặc về địa phương.

4. Cơ quan, người được Bộ, cơ quan trung ương (bao gồm cả Bộ Quốc phòng, Bộ Công an) quy định thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định này đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua Bộ, cơ quan trung ương, trừ các trường hợp quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

5. Cơ quan, người được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 5 Luật sửa đổi, bổ sung) đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương, trừ các trường hợp quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 48. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản trong trường hợp cơ quan quản lý tài sản công lập phương án xử lý tài sản

Trường hợp cơ quan quản lý tài sản công lập phương án xử lý tài sản quy định tại điểm a khoản 1, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 46 Nghị định này thì trình tự, thủ tục thực hiện như sau:

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản hoặc Hợp đồng tặng cho/Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ luật Dân sự có hiệu lực hoặc kể từ ngày có kết quả giám định, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc ý kiến của các cơ quan chuyên ngành hoặc Hợp đồng tặng cho/Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ luật Dân sự có hiệu lực, đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản, gửi cơ quan quản lý cấp trên (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan cấp trên). Hồ sơ gồm:

Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 04-ĐXPA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản hoặc Hợp đồng tặng cho/Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ Luật Dân sự: 01 bản sao.

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị được tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cần nêu rõ sự phù hợp của đề nghị tiếp nhận tài sản với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản theo quy định): 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

Trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản gửi hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản trực tiếp tới cơ quan quản lý tài sản công có thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản quy định tại điểm a khoản 1, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 46 Nghị định này.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý cấp trên (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên) lập hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản gửi cơ quan quản lý tài sản công có thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản quy định tại điểm a khoản 1, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 46 Nghị định này. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản của cơ quan quản lý cấp trên theo Mẫu số 04-ĐXPA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này: 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 30 ngày (hoặc 45 ngày trong trường hợp phải lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản không có cơ quan quản lý cấp trên) hoặc khoản 2 Điều này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên), cơ quan quản lý tài sản công có trách nhiệm lập hồ sơ xử lý tài sản để báo cáo Bộ, cơ quan trung ương; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện. Hồ sơ báo cáo gồm:

Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản công về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: 01 bản chính.

Phương án xử lý tài sản do cơ quan quản lý tài sản công lập theo Mẫu số 02-PAXL tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản không có cơ quan quản lý cấp trên), hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên): 01 bản sao.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

b) Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản (đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an). Hồ sơ gồm:

Văn bản của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản (trong đó nêu rõ ý kiến về phương án xử lý tài sản do cơ quan quản lý tài sản công lập): 01 bản chính.

Ý kiến của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

Hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này: 01 bản sao.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều này, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

Điều 49. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý tài sản

1. Trường hợp Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản được Bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản thì trình tự, thủ tục thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản hoặc Hợp đồng tặng cho/Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ luật Dân sự có hiệu lực hoặc kể từ ngày có kết quả giám định, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc ý kiến của các cơ quan chuyên ngành, đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập hồ sơ xử lý tài sản để trình Thủ trưởng đơn vị xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản. Hồ sơ trình gồm:

Tờ trình của bộ phận chuyên môn của đơn vị chủ trì quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: 01 bản chính.

Phương án xử lý tài sản do đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02-PAXL tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản hoặc Hợp đồng tặng cho/Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ Luật Dân sự: 01 bản sao.

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị được tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cần nêu rõ sự phù hợp của đề nghị tiếp nhận tài sản với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản theo quy định): 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản.

2. Trường hợp cơ quan quản lý cấp trên/Thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị chủ trì quản lý tài sản được Bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản thì trình tự, thủ tục thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản hoặc Hợp đồng tặng cho/Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ luật Dân sự có hiệu lực hoặc kể từ ngày có kết quả giám định, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc ý kiến của các cơ quan chuyên ngành, đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập hồ sơ xử lý tài sản để trình cơ quan quản lý cấp trên. Hồ sơ trình gồm:

Tờ trình của đơn vị chủ trì quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: 01 bản chính.

Phương án xử lý tài sản do đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập theo Mẫu số 05-PA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản hoặc Hợp đồng tặng cho/Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ luật Dân sự: 01 bản sao.

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị được tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cần nêu rõ sự phù hợp của đề nghị tiếp nhận tài sản với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản theo quy định): 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan quản lý cấp trên/Thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị chủ trì quản lý tài sản xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

3. Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền khác của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương (không phải là cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này) được Bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản thì trình tự, thủ tục thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản hoặc Hợp đồng tặng cho/Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ luật Dân sự có hiệu lực hoặc kể từ ngày có kết quả giám định, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc ý kiến của các cơ quan chuyên ngành, đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập hồ sơ xử lý tài sản gửi cơ quan quản lý cấp trên (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên) hoặc gửi cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản không có cơ quan quản lý cấp trên). Hồ sơ gồm:

Tờ trình của đơn vị chủ trì quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: 01 bản chính.

Phương án xử lý tài sản do đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02-PAXL tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản hoặc Hợp đồng tặng cho/Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ luật Dân sự: 01 bản sao.

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị được tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển): 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan quản lý cấp trên (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên) lập hồ sơ xử lý tài sản gửi cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản. Hồ sơ gồm:

Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản (trong đó nêu rõ ý kiến về phương án xử lý tài sản do đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập): 01 bản chính.

Hồ sơ quy định tại điểm a khoản này: 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản không có cơ quan quản lý cấp trên), hồ sơ quy định tại điểm b khoản này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên), cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản xem xét, phê duyệt hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

Điều 50. Tổ chức thực hiện xử lý tài sản

Việc tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tương ứng tại các Điều 13, 14, 15 và 16 Nghị định này, trong đó:

1. Đối với trường hợp tài sản được xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho đối tượng được giao quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng là doanh nghiệp có vốn nhà nước thì sau khi tiếp nhận tài sản, doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện thủ tục ghi tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

2. Đối với trường hợp tài sản xử lý theo hình thức bán thì việc xác định giá khởi điểm để bán đấu giá, xác định giá bán chỉ định hoặc niêm yết giá thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Nghị định này.

Chương VI

QUY ĐỊNH VỀ TÀI SẢN CỦA QUỸ XÃ HỘI, QUỸ TỪ THIỆN BỊ GIẢI THỂ

Điều 51. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định giải thể theo quy định của pháp luật về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể theo quy định của pháp luật về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

Điều 52. Trình tự, thủ tục quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản

1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định giải thể quỹ của cơ quan, người có thẩm quyền, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản (còn lại) của quỹ xã hội, quỹ từ thiện, sau khi đã thực hiện xử lý theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 42 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện (sau đây gọi là Nghị định số 93/2019/NĐ-CP) báo cáo người có thẩm quyền quy định tại Điều 51 Nghị định này xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản. Hồ sơ gồm:

- a) Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản chính.
- b) Bảng kê chủng loại, số lượng (khối lượng), năm sử dụng, giá trị (nếu có), tình trạng tài sản: 01 bản chính.
- c) Quyết định giải thể của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: 01 bản sao.
- d) Hồ sơ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản (nếu có) của quỹ bị giải thể: 01 bản sao.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, người có thẩm quyền quy định tại Điều 51 Nghị định này xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

Điều 53. Hình thức xử lý tài sản

Tài sản còn lại của quỹ xã hội, quỹ từ thiện (sau khi đã thực hiện xử lý theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 42 Nghị định số 93/2019/NĐ-CP) được xử lý theo các hình thức sau:

1. Đối với tài sản là hiện vật (nếu có):

a) Giao tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý, xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

b) Giao tài sản hoặc điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

c) Bán đối với tài sản không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản này hoặc tài sản thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản này nhưng không áp dụng được hình thức giao hoặc điều chuyển.

2. Đối với tiền Việt Nam: Nộp vào ngân sách nhà nước.

3. Đối với ngoại tệ: Xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này.

Điều 54. Trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản

1. Cơ quan quản lý tài sản công thuộc Bộ Nội vụ có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản của các quỹ do Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định giải thể.

2. Cơ quan quản lý tài sản công cấp tỉnh (Sở Tài chính) có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản của các quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể.

Điều 55. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt phương án điều chuyển tài sản giữa các bộ, cơ quan trung ương, giữa trung ương và địa phương, giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định giải thể, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 56. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản của các quỹ do Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định giải thể

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/có kết quả giám định, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc ý kiến của các cơ quan chuyên ngành, đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản, gửi cơ quan quản lý tài sản công thuộc Bộ Nội vụ. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 04-ĐXPA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản sao.

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị được tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển): 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

2. Trong thời hạn 30 ngày (hoặc 45 ngày trong trường hợp phải lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý tài sản công thuộc Bộ Nội vụ có trách nhiệm lập hồ sơ xử lý tài sản, báo cáo Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Hồ sơ báo cáo gồm:

Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản công thuộc Bộ Nội vụ về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: 01 bản chính.

Phương án xử lý tài sản do cơ quan quản lý tài sản công lập theo Mẫu số 02-PAXL tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này: 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này:

a) Bộ trưởng Bộ Nội vụ xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

b) Bộ Nội vụ lập hồ sơ, đề nghị Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của Bộ Nội vụ về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản (trong đó nêu rõ ý kiến về phương án xử lý tài sản do cơ quan quản lý tài sản công lập): 01 bản chính.

Hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này: 01 bản sao.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

Điều 57. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản của các quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/có kết quả giám định, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc ý kiến của các cơ quan chuyên ngành, đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản, gửi cơ quan quản lý tài sản công cấp tỉnh (Sở Tài chính). Hồ sơ gồm:

Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 04-ĐXPA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản sao.

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị được tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cần nêu rõ sự phù hợp của đề nghị tiếp nhận tài sản với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản theo quy định): 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

2. Trong thời hạn 30 ngày (hoặc 45 ngày trong trường hợp phải lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Tài chính có trách nhiệm lập hồ sơ xử lý tài sản để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính (đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý của Bộ trưởng Bộ Tài chính). Hồ sơ báo cáo gồm:

a) Tờ trình của Sở Tài chính về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: 01 bản chính.

b) Phương án xử lý tài sản do Sở Tài chính lập theo Mẫu số 02-PAXL tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

c) Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này: 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

b) Lập hồ sơ, đề nghị Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền. Hồ sơ gồm:

Văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản (trong đó nêu rõ ý kiến về phương án xử lý tài sản do Sở Tài chính lập): 01 bản chính.

Hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này: 01 bản sao.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

Điều 58. Tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản

1. Việc tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tương ứng tại các Điều 13, 14, 15 và 16 Nghị định này. Riêng đối với việc xác định giá khởi điểm để bán đấu giá, xác định giá bán chỉ định hoặc niêm yết giá thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 97 Nghị định này.

2. Đối với tài sản là tiền được nộp vào ngân sách trung ương đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định giải thể và nộp vào ngân sách địa phương đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể.

Chương VII

QUY ĐỊNH VỀ TÀI SẢN DO DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CHUYỂN GIAO KHÔNG BỒI HOÀN CHO NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Điều 59. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam thông qua Bộ, cơ quan trung ương theo cam kết sau khi kết thúc thời gian hoạt động.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương theo cam kết sau khi kết thúc thời gian hoạt động.

Điều 60. Trình tự, thủ tục quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản

1. Chậm nhất là 90 ngày trước ngày kết thúc thời hạn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, cơ quan

đăng ký đầu tư cấp tỉnh nơi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đóng trụ sở có trách nhiệm thông báo cho Bộ, cơ quan trung ương (đối với trường hợp chuyển giao tài sản cho Nhà nước Việt Nam thông qua Bộ, cơ quan trung ương), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với trường hợp chuyển giao tài sản cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương) về việc doanh nghiệp kết thúc thời hạn hoạt động.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan đăng ký đầu tư cấp tỉnh, đơn vị chủ trì quản lý tài sản báo cáo Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng kiểm kê, phân loại tài sản. Thành phần và trách nhiệm của Hội đồng như sau:

a) Hội đồng do Bộ, cơ quan trung ương thành lập: Lãnh đạo đơn vị chủ trì quản lý tài sản làm Chủ tịch; thành viên là đại diện của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, cơ quan trung ương có liên quan; đại diện của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Cục Thuế và các cơ quan liên quan của địa phương nơi có tài sản chuyển giao.

b) Hội đồng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập: Lãnh đạo đơn vị chủ trì quản lý tài sản làm Chủ tịch; thành viên là đại diện của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính (trong trường hợp đơn vị chủ trì không phải là cơ quan quản lý tài sản công), Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Cục Thuế và các cơ quan liên quan của địa phương nơi có tài sản chuyển giao.

c) Hội đồng kiểm kê, phân loại tài sản có trách nhiệm: Tiếp nhận tài sản từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao; Thực hiện kiểm kê, phân loại tài sản và lập bảng kê chi tiết chủng loại, số lượng, khối lượng, giá trị, hiện trạng của tài sản.

3. Căn cứ trên kết quả kiểm kê, phân loại của Hội đồng, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, báo cáo người có thẩm quyền quy định tại Điều 59 Nghị định này xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

Hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản bao gồm:

a) Tờ trình của đơn vị chủ trì quản lý tài sản đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản chính.

b) Bảng kê chủng loại, số lượng (khối lượng), giá trị, năm sử dụng, hiện trạng của tài sản: 01 bản chính.

c) Văn bản thể hiện cam kết chuyển giao không bồi hoàn tài sản cho Nhà nước Việt Nam khi kết thúc hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 01 bản sao.

d) Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến tài sản (nếu có): 01 bản sao.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này, người có thẩm quyền quy định tại Điều 59 Nghị định này xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản. Việc quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản được thực hiện sau khi doanh nghiệp đã chấm dứt hoạt động theo quy định.

Điều 61. Hình thức xử lý tài sản

1. Giao tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý, xử lý quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

2. Giao tài sản hoặc điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

3. Giao hoặc điều chuyển cho đối tượng được giao quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng. Việc xác định đối tượng được giao quản lý đối với từng loại tài sản kết cấu hạ tầng được thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng.

4. Bán đối với tài sản không thuộc quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này hoặc tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này nhưng không áp dụng được hình thức giao hoặc điều chuyển.

Điều 62. Trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản

1. Cơ quan quản lý tài sản công của Bộ, cơ quan trung ương có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản đối với tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam thông qua Bộ, cơ quan trung ương theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản đối với tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

Điều 63. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản

1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án xử lý tài sản theo hình thức giao tài sản theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp cho doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập hoặc doanh nghiệp nhà nước là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được chuyển đổi từ doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt phương án điều chuyển tài sản giữa các bộ, cơ quan trung ương, giữa trung ương và địa phương, giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam thông qua Bộ, cơ quan trung ương, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 64. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản không phải là cơ quan quản lý tài sản công

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/có kết quả giám định, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc ý kiến của các cơ quan chuyên ngành, đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản, gửi cơ quan quản lý cấp trên (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan cấp trên). Hồ sơ gồm:

Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 04-ĐXPA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản sao.

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị được tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cần nêu rõ sự phù hợp của đề nghị tiếp nhận tài sản với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản theo quy định): 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

Trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản gửi hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản trực tiếp tới cơ quan quản lý tài sản công có thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản quy định tại Điều 62 Nghị định này.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý cấp trên (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên) lập hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản gửi cơ quan quản lý tài sản công có thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản quy định tại Điều 62 Nghị định này. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản của cơ quan quản lý cấp trên theo Mẫu số 04-ĐXPA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này: 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 30 ngày (hoặc 45 ngày trong trường hợp phải lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản không có cơ quan quản lý cấp trên), hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên), cơ quan quản lý tài sản công có trách nhiệm lập hồ sơ xử lý tài sản để báo cáo Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ báo cáo gồm:

Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản công về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: 01 bản chính.

Phương án xử lý tài sản do cơ quan quản lý tài sản công lập theo Mẫu số 02-PAXL tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Ý kiến của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản không có cơ quan quản lý cấp trên), hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên): 01 bản sao.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 63 Nghị định này hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý không phù hợp.

b) Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản (đối với trường

hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 63 Nghị định này). Hồ sơ gồm:

Văn bản của Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản (trong đó nêu rõ ý kiến về phương án do cơ quan quản lý tài sản công lập): 01 bản chính.

Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản không có cơ quan quản lý cấp trên), hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên): 01 bản sao.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản 4 Điều này, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

Điều 65. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản là cơ quan quản lý tài sản công

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/có kết quả giám định, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc ý kiến của các cơ quan chuyên ngành, cơ quan quản lý tài sản công có trách nhiệm lập hồ sơ xử lý tài sản để báo cáo Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ báo cáo gồm:

a) Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản công về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: 01 bản chính.

b) Phương án xử lý tài sản do cơ quan quản lý tài sản công lập theo Mẫu số 02-PAXL tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

c) Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản sao.

d) Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị được tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cần nêu rõ sự phù hợp của đề nghị tiếp nhận tài sản với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản theo quy định): 01 bản chính.

đ) Ý kiến của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

e) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 63 Nghị định này hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý không phù hợp.

b) Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản (đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 63 Nghị định này). Hồ sơ gồm:

Văn bản của Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản (trong đó nêu rõ ý kiến về phương án do cơ quan quản lý tài sản công lập): 01 bản chính.

Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này: 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

Điều 66. Tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản

Việc tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tương ứng tại các Điều 13, 14, 15 và 16 Nghị định này, trong đó:

1. Đối với trường hợp tài sản được xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho đối tượng được giao quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng là doanh nghiệp có vốn nhà nước thì sau khi tiếp nhận tài sản, doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện thủ tục ghi tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

2. Đối với trường hợp tài sản xử lý theo hình thức bán thì việc xác định giá khởi điểm để bán đấu giá, xác định giá bán chỉ định hoặc niêm yết giá thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 98 Nghị định này.

Chương VIII

QUY ĐỊNH VỀ TÀI SẢN ĐƯỢC ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ

Điều 67. Về quản lý, vận hành, bảo trì công trình, hệ thống công trình cơ sở hạ tầng được đầu tư theo phương thức đối tác công tư

1. Việc chuyển giao, tiếp nhận công trình, hệ thống công trình cơ sở hạ tầng được đầu tư theo các Hợp đồng BOT, BLT, BTO, BTL (sau đây gọi là hợp đồng dự án đối tác công tư) được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Đối với công trình, hệ thống công trình cơ sở hạ tầng được đầu tư theo các Hợp đồng BOT, BLT:

a) Trường hợp chấm dứt Hợp đồng dự án theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng thì trong thời gian thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 69, Điều 73 Nghị định này thì cơ quan, đơn vị được giao vận hành, kinh doanh và bảo trì công trình, hệ thống công trình cơ sở hạ tầng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 78 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là Nghị định số 35/2021/NĐ-CP) có trách nhiệm quản lý, vận hành, bảo trì công trình, hệ thống công trình cơ sở hạ tầng.

b) Trường hợp tại thời điểm chấm dứt Hợp đồng dự án theo đúng thời hạn thỏa thuận tại Hợp đồng dự án mà chưa có cơ quan, đơn vị được giao vận hành, kinh doanh và bảo trì công trình, hệ thống công trình cơ sở hạ tầng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 78 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP hoặc chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn mà không lựa chọn nhà đầu tư thay thế để ký kết hợp đồng mới theo

quy định tại khoản 4 Điều 81 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP thì cơ quan ký kết Hợp đồng có trách nhiệm quản lý và tổ chức vận hành, bảo trì công trình, hệ thống công trình cơ sở hạ tầng. Kinh phí cho việc quản lý, vận hành, bảo trì công trình, hệ thống công trình cơ sở hạ tầng được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có) của cơ quan ký kết Hợp đồng.

3. Đối với công trình, hệ thống công trình cơ sở hạ tầng được đầu tư theo các Hợp đồng BTO, BTL thì trong thời gian thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Nghị định này, doanh nghiệp dự án PPP có trách nhiệm quản lý, vận hành, bảo trì công trình, hệ thống công trình cơ sở hạ tầng.

Trường hợp tại thời điểm chấm dứt Hợp đồng dự án theo đúng thời hạn thỏa thuận tại Hợp đồng dự án hoặc chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn mà chưa có cơ quan, đơn vị được giao vận hành, kinh doanh và bảo trì công trình, hệ thống công trình cơ sở hạ tầng theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 78 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP thì cơ quan ký kết Hợp đồng có trách nhiệm quản lý và tổ chức vận hành, bảo trì công trình, hệ thống công trình cơ sở hạ tầng. Kinh phí cho việc quản lý, vận hành, bảo trì công trình, hệ thống công trình cơ sở hạ tầng được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có) của cơ quan ký kết Hợp đồng.

Điều 68. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký kết hợp đồng dự án thuộc trung ương quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký kết hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

Điều 69. Trình tự, thủ tục quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản

1. Đối với tài sản được đầu tư theo các Hợp đồng BOT, BLT

a) Chậm nhất 30 ngày trước ngày chấm dứt Hợp đồng dự án theo thời hạn thỏa thuận tại Hợp đồng hoặc thời điểm dự kiến chấm dứt Hợp đồng dự án trước thời hạn theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư, cơ quan ký kết hợp đồng dự án có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản báo cáo Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:

Tờ trình của cơ quan ký kết hợp đồng dự án về việc đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản chính.

Báo cáo giám định chất lượng, giá trị công trình, tình trạng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư: 01 bản sao.

Các hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 80 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng dự án theo đúng thời hạn thỏa thuận tại hợp đồng: 01 bản sao.

Các hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 81 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng dự án trước thời hạn thỏa thuận tại hợp đồng: 01 bản sao.

Hồ sơ liên quan đến quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng tài sản chuyển giao (nếu có): 01 bản sao.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 68 Nghị định này xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản. Việc quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản được thực hiện sau khi Hợp đồng dự án đã hết thời hạn hoặc đã chấm dứt theo quy định của pháp luật.

2. Đối với tài sản được đầu tư theo các Hợp đồng BTO, BTL

a) Chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày ký Biên bản bàn nhận chuyển giao tài sản theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 78 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP, cơ quan ký kết hợp đồng dự án có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản báo cáo Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:

Tờ trình của cơ quan ký kết hợp đồng dự án về việc đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản chính.

Báo cáo giám định chất lượng, giá trị công trình, tình trạng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư: 01 bản sao.

Các hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 80 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP: 01 bản sao.

Hồ sơ liên quan đến quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng tài sản chuyển giao (nếu có): 01 bản sao.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, người có thẩm quyền quy định tại Điều 68 Nghị định này xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

Điều 70. Hình thức xử lý tài sản

1. Đối với tài sản được đầu tư theo các Hợp đồng BOT, BLT

a) Giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận công trình, hệ thống công trình để vận hành, kinh doanh và bảo trì theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 78 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP trong trường hợp cơ quan, đơn vị này thuộc đối tượng được giao quản lý tài sản theo quy định của pháp luật.

b) Giao hoặc điều chuyển cho đối tượng không thuộc điểm a khoản này trong trường hợp cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận công trình, hệ thống công trình để vận hành, kinh doanh và bảo trì theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 78 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP không phải là đối tượng được giao quản lý tài sản theo quy định của pháp luật.

2. Đối với tài sản được đầu tư theo các Hợp đồng BTO, BTL

a) Việc giao tài sản cho cơ quan, đơn vị vận hành, kinh doanh và bảo trì sau khi xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 35/2021/NĐ-CP. Không phải phê duyệt phương án xử lý tài sản và thực

hiện thủ tục phê duyệt phương án xử lý tài sản theo quy định tại các Điều 71, 72 và 73 Nghị định này.

b) Việc xử lý tài sản sau khi hết thời hạn kinh doanh, vận hành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng (đối với Hợp đồng BTO), cung cấp sản phẩm, dịch vụ công trên cơ sở vận hành, khai thác công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng (đối với Hợp đồng BLT) được thực hiện theo quy định tại điểm đ, điểm e khoản 2 Điều 78 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 71. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản

1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án xử lý tài sản theo hình thức giao tài sản theo hình thức đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp cho doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập hoặc doanh nghiệp nhà nước là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được chuyển đổi từ doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển giữa các bộ, cơ quan trung ương, giữa trung ương và địa phương, giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do mình ra quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 72. Trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản

1. Trường hợp cơ quan ký kết hợp đồng đồng thời là cơ quan quản lý tài sản công thì cơ quan này có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản để báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản (cơ quan quản lý tài sản công của Bộ, cơ quan trung ương là các cơ quan quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; cơ quan quản lý tài sản công cấp tỉnh là Sở Tài chính theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công).

2. Trường hợp cơ quan ký kết hợp đồng và cơ quan quản lý tài sản công là khác nhau thì cơ quan ký kết hợp đồng có trách nhiệm đề xuất phương án xử lý tài sản, gửi cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công; cơ quan quản lý tài sản công lập phương án xử lý tài sản và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

Điều 73. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản được đầu tư theo các Hợp đồng BOT, BLT trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản không phải là cơ quan quản lý tài sản công

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/có kết quả giám định, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc ý kiến của các cơ quan chuyên ngành, đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản, gửi cơ quan quản lý cấp trên (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan cấp trên). Hồ sơ gồm:

Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 04-ĐXPA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản sao.

Văn bản của cơ quan, đơn vị hoặc đối tượng khác đề nghị được nhận giao hoặc điều chuyển tài sản: 01 bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

Trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản gửi hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản trực tiếp tới cơ quan quản lý tài sản công có thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản quy định tại Điều 72 Nghị định này.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý cấp trên (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên) lập hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản gửi cơ quan quản lý tài sản công có thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản quy định tại Điều 72 Nghị định này. Hồ sơ gồm:

Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản của cơ quan quản lý cấp trên theo Mẫu số 04-ĐXPA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này: 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 30 ngày (hoặc 45 ngày trong trường hợp phải lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản không có cơ quan quản lý cấp trên), hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên), cơ quan quản lý tài sản công quy định tại Điều 72 Nghị định này có trách nhiệm lập hồ sơ xử lý tài sản để báo cáo Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ báo cáo gồm:

Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản công về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: 01 bản chính.

Phương án xử lý tài sản do cơ quan quản lý tài sản công lập theo Mẫu số 05-PA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

Ý kiến của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản không có cơ quan quản lý cấp trên), hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên): 01 bản sao.

4. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 71 Nghị định này hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý không phù hợp.

b) Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản (đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 71 Nghị định này). Hồ sơ gồm:

Văn bản của Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản (trong đó nêu rõ ý kiến về phương án do cơ quan quản lý tài sản công lập): 01 bản chính.

Văn bản của Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề

ngihtiếp nhận tài sản: 01 bản chính.

Hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này: 01 bản sao.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản 4 Điều này, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

Điều 74. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản được đầu tư theo các Hợp đồng BOT, BLT trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản là cơ quan quản lý tài sản công

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/có kết quả giám định, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc ý kiến của các cơ quan chuyên ngành, cơ quan quản lý tài sản công có trách nhiệm lập hồ sơ xử lý tài sản để báo cáo Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ báo cáo gồm:

a) Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản công về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: 01 bản chính.

b) Phương án xử lý tài sản do cơ quan quản lý tài sản công lập theo Mẫu số 05-PA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

c) Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản sao.

d) Văn bản của cơ quan, đơn vị hoặc đối tượng khác đề nghị được nhận giao hoặc điều chuyển tài sản: 01 bản chính.

đ) Ý kiến của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

e) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 71 Nghị định này hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý không phù hợp.

b) Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản (đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 71 Nghị định này). Hồ sơ gồm:

Văn bản của Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản (trong đó nêu rõ ý kiến về phương án do cơ quan quản lý tài sản công lập): 01 bản chính.

Văn bản của Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị tiếp nhận tài sản: 01 bản chính.

Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này: 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

Điều 75. Tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản

Việc tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

Chương IX

QUY ĐỊNH VỀ TÀI SẢN BỊ CHÔN, GIẤU, BỊ VÙI LẤP, CHÌM ĐẮM

Điều 76. Tiếp nhận, xử lý thông tin về tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm

1. Tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm có trách nhiệm bảo vệ, giữ nguyên hiện trạng và thông báo kịp thời, đầy đủ các thông tin có liên quan với các cơ quan, người có thẩm quyền sau đây:

a) Cơ quan quân sự nơi gần nhất đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm thuộc khu vực quân sự.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan công an nơi gần nhất đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm không thuộc khu vực quân sự.

c) Cảng vụ hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi gần nhất đối với tài sản bị chìm đắm không thuộc khu vực quân sự.

Tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm chịu trách nhiệm về thông tin đã thông báo.

2. Cơ quan nhà nước tiếp nhận thông tin có trách nhiệm:

a) Lập biên bản có đầy đủ chữ ký của đại diện tổ chức, cá nhân đã thông báo thông tin và đại diện cơ quan tiếp nhận thông tin; tổ chức, cá nhân thông báo thông tin giữ một bản để làm cơ sở giải quyết quyền lợi về sau. Nội dung chủ yếu của Biên bản gồm:

Thông tin của tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản, gồm: Tên của tổ chức/cá nhân phát hiện tài sản; địa chỉ, số điện thoại liên hệ; số căn cước công dân (đối với tổ chức là số căn cước của người đại diện theo pháp luật của tổ chức); số tài khoản, mã số thuế (để phục vụ trong trường hợp được chi thưởng) và các thông tin khác (nếu cần).

Thông tin của cơ quan tiếp nhận thông tin: Họ, tên của người được giao nhiệm vụ tiếp nhận thông tin của tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản.

Biên bản tiếp nhận thông tin về tài sản được lập thành 02 Bản, mỗi Bên giữ một bản.

b) Kiểm tra tính chính xác của thông tin đã tiếp nhận.

c) Báo cáo bằng văn bản với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ quan nhà nước tiếp nhận thông tin đóng trụ sở.

d) Tổ chức khoanh vùng, bảo vệ nguyên trạng khu vực có tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; trường hợp tài sản bị chìm đắm ở vùng biển xa bờ thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với các cơ quan thuộc lực lượng quốc phòng, an ninh, cơ quan quản lý hàng hải để thực hiện.

Riêng đối với tài sản chìm đắm ở nội thủy, lãnh hải thì trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo có tài sản chìm đắm, cơ quan nhà nước tiếp nhận thông tin có trách nhiệm báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thông báo 03 lần liên tiếp trên phương tiện thông tin đại chúng trung ương hoặc địa phương để tìm chủ tài sản.

đ) Cung cấp thông tin của tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm cho cơ quan, đơn vị tiếp nhận tài sản quy định tại Điều 80 Nghị định này để thanh toán chi thường cho tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản theo quy định tại Điều 108 Nghị định này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương hoặc phối hợp với cơ quan có liên quan tổ chức khoanh vùng, bảo vệ nguyên trạng khu vực có tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm.

b) Báo cáo cơ quan quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 77 Nghị định này quyết định việc lập phương án thăm dò, phương án khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm.

c) Trường hợp tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm không thuộc địa bàn quản lý thì thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý địa bàn có tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm.

Điều 77. Thẩm quyền giao và phê duyệt phương án thăm dò, phương án khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm

Việc giao cho tổ chức, cá nhân lập phương án thăm dò, phương án khai quật, trục vớt và phê duyệt phương án thăm dò, phương án khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm do các cơ quan nhà nước sau đây quyết định:

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm là bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật.

2. Bộ Quốc phòng phê duyệt đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia và tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm trong khu vực quân sự.

3. Bộ Giao thông vận tải phê duyệt đối với tài sản chìm đắm làm cản trở hoạt động hàng hải, gây nguy hiểm cho tài nguyên biển; đe dọa tính mạng và sức khỏe con người hoặc gây ô nhiễm môi trường. Riêng đối với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm cho hoạt động hàng hải, Cảng vụ hàng hải có trách nhiệm xây dựng phương án trục vớt trình Cục Hàng hải Việt Nam phê duyệt; trường hợp tài sản chìm đắm gây nguy hiểm cho hoạt động hàng hải là di sản văn hóa dưới nước hoặc liên quan đến quốc phòng, an ninh thì trước khi Cục Hàng hải Việt Nam phê duyệt, phương án trục vớt phải có ý kiến của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Bộ Quốc phòng.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm phê duyệt đối với các tài sản không thuộc phạm vi quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 78. Nội dung phương án thăm dò, phương án khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm

1. Phương án thăm dò tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Địa điểm tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm.

b) Thời gian dự kiến bắt đầu và kết thúc.

c) Phương tiện và biện pháp thăm dò.

d) Biện pháp bảo đảm an toàn trong quá trình thăm dò.

đ) Bàn giao kết quả thăm dò cho cơ quan, người có thẩm quyền.

e) Biện pháp phòng ngừa ô nhiễm môi trường; phòng, chống cháy, nổ.

- g) Dự toán chi phí thăm dò.
- h) Điều kiện để lựa chọn tổ chức, cá nhân tổ chức khai quật, trục vớt (trong trường hợp cần thiết).

2. Phương án khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Căn cứ tổ chức việc khai quật, trục vớt.
- b) Kết quả thực hiện phương án thăm dò tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm (nếu có).
- c) Địa điểm tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm.
- d) Thời gian dự kiến bắt đầu và kết thúc.
- đ) Phương tiện và biện pháp khai quật, trục vớt.
- e) Biện pháp bảo đảm an toàn trong quá trình khai quật, trục vớt.
- g) Biện pháp bảo quản tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy sau khi khai quật, trục vớt.
- h) Bàn giao tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy cho cơ quan, người có thẩm quyền.
- i) Biện pháp phòng ngừa ô nhiễm môi trường; phòng, chống cháy, nổ.
- k) Biện pháp bảo hiểm tổ chức, cá nhân tham gia khai quật, trục vớt.
- l) Dự kiến kết quả sau khi khai quật, trục vớt.
- m) Dự toán chi phí khai quật, trục vớt.
- n) Điều kiện để lựa chọn tổ chức, cá nhân tổ chức khai quật, trục vớt (trong trường hợp cần thiết).

3. Tùy trường hợp cụ thể, việc lập và quyết định phương án thăm dò; lập và quyết định phương án khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm thực hiện độc lập hoặc thực hiện gắn liền với nhau.

Điều 79. Tổ chức thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc tổ chức, cá nhân nước ngoài tổ chức thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm phải bảo đảm đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có chức năng thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản theo quy định của pháp luật.
- b) Có kinh nghiệm trong hoạt động thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản.
- c) Có đội ngũ nhân viên, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu của hoạt động thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản phù hợp với quy mô của phương án thăm dò, khai quật, trục vớt đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trường hợp thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản là bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật, tài sản thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia và tài sản trong khu vực quân sự thì tổ chức, cá nhân nước ngoài được hợp tác tham gia nhưng phải có sự chủ trì của cơ quan, tổ chức của Việt Nam đối với từng dự án thăm dò, khai quật, trục vớt.

3. Cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 77 Nghị định này quyết định việc giao cho tổ chức, cá nhân có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này tổ chức thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm thông qua các hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu

thầu; ưu tiên các tổ chức, cá nhân Việt Nam thực hiện việc trục vớt tài sản chìm đắm tại nội thủy, lãnh hải Việt Nam theo quy định tại Điều 280 Bộ luật Hàng hải năm 2015. Trường hợp phương án trục vớt đôi với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm cho hoạt động hàng hải được Cục Hàng hải Việt Nam phê duyệt thì Cảng vụ hàng hải tổ chức trục vớt tài sản theo phương án được phê duyệt.

4. Việc thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được thực hiện theo đúng phương án đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp trong quá trình thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm phải điều chỉnh phương án đã được phê duyệt thì cơ quan, người có thẩm quyền đã phê duyệt phương án đó quyết định điều chỉnh phương án.

Điều 80. Tiếp nhận, quản lý và bảo quản tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy

1. Tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm hoặc tổ chức, cá nhân tổ chức khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm có trách nhiệm quản lý tài sản được tìm thấy và bàn giao cho cơ quan nhà nước quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này để bảo quản trong thời gian chờ xử lý theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

2. Trường hợp có đầy đủ cơ sở để xác định được loại tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy thì tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện việc giao tài sản cho các cơ quan, đơn vị sau đây tiếp nhận, bảo quản:

a) Bảo tàng cấp tỉnh tiếp nhận, bảo quản đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy là bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật.

b) Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh tiếp nhận, bảo quản đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia và tài sản trong khu vực quân sự.

c) Cảng vụ hàng hải nơi gần nhất tiếp nhận, bảo quản đối với tài sản bị chìm đắm làm cản trở hoặc gây nguy hiểm cho hoạt động hàng hải, tài nguyên biển; đe dọa tính mạng và sức khỏe con người hoặc gây ô nhiễm môi trường được tìm thấy.

d) Sở Tài chính tiếp nhận, bảo quản đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy không thuộc phạm vi quy định tại các điểm a, b và c khoản này.

3. Trường hợp không có đủ cơ sở để xác định được loại tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy thì Sở Tài chính trực tiếp tiếp nhận, bảo quản. Nếu tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy nhỏ lẻ, có giá trị thấp (ước tính dưới 01 tỷ đồng) thì Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện tiếp nhận, bảo quản tài sản.

4. Các cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ tiếp nhận, bảo quản tài sản quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này thực hiện bảo quản theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 108 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 81. Xác định chủ sở hữu của tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy

1. Sở Tài chính có trách nhiệm lập danh mục tài sản, số lượng theo từng loại tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy; chủ trì, phối hợp với cơ

quan có liên quan thực hiện giám định tài sản; xác định chủ sở hữu của tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Việc xác định chủ sở hữu của tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự. Trường hợp tài sản không có hoặc không xác định được chủ sở hữu mà tài sản đó hoặc phần giá trị của tài sản đó được xác định thuộc về nhà nước theo quy định của pháp luật về dân sự thì thực hiện xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo quy định tại Điều 85 Nghị định này.

Điều 82. Nguyên tắc xử lý tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy

Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy được ưu tiên xử lý theo các nguyên tắc sau:

1. Trả lại cho chủ sở hữu nếu xác định được chủ sở hữu hợp pháp.

2. Trả cho tổ chức, cá nhân tìm thấy tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm trong các trường hợp sau:

a) Không có hoặc không xác định được ai là chủ sở hữu hợp pháp;

b) Tài sản được tìm thấy không phải là bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật theo quy định của Luật di sản văn hóa mà có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 229 Bộ Luật Dân sự.

3. Xác lập quyền sở hữu toàn dân và xử lý theo quy định tại Nghị định này đối với các trường hợp sau:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy mà không xác định được chủ sở hữu và có giá trị lớn hơn mười tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định (tại thời điểm tìm thấy và giao nộp tài sản) sau khi trừ các khoản chi phí hợp lý có liên quan.

b) Chủ sở hữu từ bỏ quyền sở hữu đối với tài sản, trừ tài sản quy định tại khoản 2 Điều này.

c) Chủ sở hữu không thanh toán các khoản chi phí có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 101 Nghị định này.

d) Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều này không đến nhận tài sản hoặc không thanh toán các khoản chi phí có liên quan trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo của Sở Tài chính.

4. Tổ chức, cá nhân tìm thấy tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được thưởng hoặc được hưởng một phần giá trị tài sản được tìm thấy được xác lập sở hữu toàn dân quy định tại khoản 3 Điều này trong các trường hợp sau:

a) Được thưởng trong trường hợp ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm là bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật, tài sản thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia hoặc phát hiện và cung cấp thông tin chính xác về tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm được tìm thấy.

b) Được hưởng một phần giá trị tài sản đối với tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm không phải là bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật, tài sản thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia mà có giá trị lớn hơn mười tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định (tại thời điểm tìm thấy và giao nộp tài sản) sau khi trừ các khoản chi phí hợp lý có liên quan.

c) Tổ chức, cá nhân phát hiện và cung cấp thông tin chính xác về tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm được tìm thấy được áp dụng một trong hai quy định tại điểm a, điểm b khoản này. Việc áp dụng quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này do tổ chức, cá nhân phát hiện và cung cấp thông tin lựa chọn.

Điều 83. Trả lại tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy cho chủ sở hữu hợp pháp

1. Sở Tài chính có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định trả lại tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm cho chủ sở hữu hợp pháp.

2. Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp, cơ quan, đơn vị tiếp nhận, bảo quản tài sản thực hiện trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp. Việc trả lại tài sản được lập thành biên bản. Chủ sở hữu tài sản phải thanh toán các khoản chi phí hợp lý có liên quan đến việc tìm kiếm, thăm dò, khai quật, trục vớt, bảo quản, tìm chủ sở hữu tài sản.

Điều 84. Trả tài sản cho tổ chức, cá nhân tìm thấy tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm

1. Sở Tài chính có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định trả tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm cho tổ chức, cá nhân tìm thấy tài sản.

2. Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định trả tài sản cho tổ chức, cá nhân tìm thấy tài sản, cơ quan, đơn vị tiếp nhận, bảo quản tài sản thực hiện trả tài sản cho tổ chức, cá nhân tìm thấy tài sản. Việc trả tài sản được lập thành biên bản; tổ chức, cá nhân tìm thấy tài sản phải thanh toán các khoản chi phí hợp lý có liên quan đến việc tìm kiếm, thăm dò, khai quật, trục vớt, bảo quản, tìm chủ sở hữu tài sản.

Điều 85. Xác lập sở hữu toàn dân đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm thuộc về Nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm thuộc về Nhà nước.

2. Trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm thuộc về Nhà nước

a) Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xác định tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm thuộc về Nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Nghị định này, Sở Tài chính có trách nhiệm lập hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản bao gồm:

b) Báo cáo quá trình xác định chủ sở hữu đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm từ khi phát hiện: 01 bản chính.

c) Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, hiện trạng của tài sản: 01 bản chính.

d) Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình xác định chủ sở hữu đối với tài sản (nếu có): 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

Điều 86. Hình thức xử lý tài sản đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được xác lập sở hữu toàn dân

1. Giao tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý, xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

2. Giao tài sản hoặc điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

3. Bán đối với tài sản không thuộc quy định tại các khoản 1, 2 Điều này hoặc tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này nhưng không áp dụng được hình thức giao hoặc điều chuyển.

4. Nộp vào ngân sách nhà nước đối với tiền Việt Nam. Đối với ngoại tệ thực hiện xử lý theo quy định khoản 3 Điều 8 Nghị định này.

5. Tiêu hủy.

Điều 87. Trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản

Sở Tài chính có trách nhiệm lập phương án xử lý tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm thuộc về Nhà nước được xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

Điều 88. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là cổ vật, bảo vật quốc gia, trừ trường hợp luật, pháp lệnh có quy định khác.

2. Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt phương án xử lý theo hình thức điều chuyển cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý hoặc điều chuyển giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án xử lý đối với các trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 89. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/có kết quả giám định, kiểm định, kiểm nghiệm hoặc ý kiến của các cơ quan chuyên ngành, Sở Tài chính có trách nhiệm lập hồ sơ xử lý tài sản, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:

a) Tờ trình của Sở Tài chính về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: 01 bản chính.

b) Phương án xử lý tài sản do Sở Tài chính lập theo Mẫu số 04-ĐXPA tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính.

c) Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: 01 bản sao.

d) Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị được tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển): 01 bản chính.

đ) Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 88 Nghị định này hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý không phù hợp.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 88 Nghị định này. Hồ sơ gồm:

Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản (trong đó nêu rõ ý kiến về phương án xử lý tài sản do Sở Tài chính lập): 01 bản chính.

Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này: 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

Điều 90. Tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản

Việc tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tương ứng tại các Điều 13, 14, 15 và 16 Nghị định này. Riêng đối với việc xác định giá khởi điểm để bán đấu giá, xác định giá bán chỉ định hoặc niêm yết giá thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 100 Nghị định này.

Chương X

XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN

Điều 91. Các quy định chung về xác định giá

1. Trường hợp xác định giá khởi điểm để đấu giá, giá bán để bán trực tiếp (bao gồm cả bán vật liệu, vật tư thu hồi được từ việc tiêu hủy tài sản)

a) Cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm, giá bán trực tiếp tài sản theo quy định tại các Điều 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99 và 100 Nghị định này thành lập Hội đồng thẩm định giá Nhà nước theo quy định của pháp luật về giá hoặc thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá. Việc lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá, báo cáo thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

b) Căn cứ thực trạng tài sản, kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá Nhà nước, chứng thư thẩm định giá, báo cáo thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt giá khởi điểm, giá bán trực tiếp quy định tại các Điều 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99 và 100 Nghị định này xem xét, phê duyệt giá khởi điểm, giá bán trực tiếp.

c) Trường hợp sau hai lần tổ chức đấu giá không thành, đơn vị chủ trì quản lý tài sản rà soát nguyên nhân và đề xuất giải pháp, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản xem xét, quyết định tiếp tục thực hiện đấu giá hoặc thay đổi phương án xử lý tài sản.

Trường hợp tiếp tục thực hiện đấu giá tài sản mà xác định nguyên nhân của việc đấu giá không thành do giá khởi điểm cao, không còn phù hợp với quy định về xác định giá khởi điểm theo quy định tương ứng tại Chương này thì thực hiện xác định lại giá khởi điểm để đấu giá; việc xác định lại giá khởi điểm được thực hiện như xác định giá khởi điểm lần đầu theo quy định tại Chương này.

d) Giá khởi điểm để bán đấu giá, giá bán trực tiếp tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân không bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).

đ) Trường hợp tại các Điều 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99 và 100 Nghị định này có quy định khác về việc xác định giá khởi điểm, giá bán trực tiếp tài sản thì thực hiện theo quy định tại các Điều tương ứng với từng loại tài sản.

2. Trường hợp xác định giá trị tài sản để giao, điều chuyển:

a) Cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt giá trị tài sản quy định tại các Điều 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99 và 100 Nghị định này thành lập Hội đồng xác định giá trị tài sản hoặc thuê doanh nghiệp thẩm định giá để xác định giá trị tài sản. Việc lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Việc sử dụng chứng thư thẩm định giá, báo cáo thẩm định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

b) Căn cứ xác định giá trị tài sản:

Giá thị trường của tài sản tại thời điểm xác định giá;

Giá do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, quyết định;

Giá trong tài liệu, hồ sơ kèm theo tài sản cần định giá (nếu có);

Các căn cứ khác về giá hoặc giá trị của tài sản cần định giá;

Trường hợp có tài sản tương tự mà tài sản đó đã được hạch toán, theo dõi trên sổ kế toán thì sử dụng giá trị đã được hạch toán, theo dõi.

Các mức giá từ các nguồn thông tin nêu trên được xác định tại thời điểm định giá và tại nơi có tài sản cần định giá. Trường hợp thu thập nguồn thông tin về mức giá tài sản tại thời điểm khác hoặc ở địa phương khác thì mức giá đó cần được điều chỉnh phù hợp về thời điểm và nơi có tài sản cần định giá.

c) Tùy theo tính chất, đặc điểm, thực trạng của tài sản cần định giá, Hội đồng xác định giá trị tài sản thực hiện khảo sát giá, thu thập thông tin liên quan đến tài sản cần xác định giá bằng ít nhất một trong các hình thức sau:

Khảo sát giá thị trường theo giá bán buôn, giá bán lẻ của tài sản cùng loại hoặc tài sản tương tự;

Nghiên cứu giá tài sản do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, quyết định đã được áp dụng tại địa phương;

Tham khảo giá do doanh nghiệp thẩm định giá cung cấp, giá trong tài liệu, hồ sơ kèm theo tài sản cần định giá, các nguồn thông tin khác về giá trị của tài sản cần định giá.

d) Căn cứ vào loại tài sản, thông tin và đặc điểm của tài sản, tình hình khảo sát giá, thu thập thông tin liên quan đến tài sản cần định giá; Hội đồng xác định giá trị tài sản thực hiện xác định giá trị tài sản. Giá này đã bao gồm các loại thuế, phí theo quy định của pháp luật.

đ) Hội đồng xác định giá căn cứ phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá để làm cơ sở xác định giá trị tài sản. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng xác định giá trị tài sản như sau:

Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể. Phiên họp để xác định giá trị tài sản chỉ được tiến hành khi có mặt ít nhất 2/3 số lượng thành viên của Hội đồng trở lên tham dự; trường hợp Hội đồng chỉ có 03 thành viên thì phiên họp phải có mặt đủ 03 thành viên. Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp để xác định giá trị tài sản. Trước khi tiến hành phiên họp, những thành viên vắng mặt phải có văn bản gửi tới Chủ tịch Hội đồng nêu rõ lý do vắng mặt; có ý kiến về các vấn đề liên quan đến giá trị tài sản (nếu có);

Hội đồng kết luận về giá trị tài sản theo ý kiến đa số đã được biểu quyết và thông qua của thành viên Hội đồng có mặt tại phiên họp. Trong trường hợp có ý kiến ngang nhau thì bên có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng là ý kiến quyết định. Thành viên của Hội đồng có quyền bảo lưu ý kiến của mình nếu không đồng ý với kết luận về giá trị của tài sản do Hội đồng quyết định; ý kiến bảo lưu đó được ghi vào Biên bản xác định giá trị tài sản;

Hội đồng phải lập Biên bản về việc xác định giá trị tài sản, phản ánh đầy đủ và trung thực toàn bộ quá trình xác định giá trị tài sản. Biên bản phải được lưu trong hồ sơ xác định giá trị tài sản.

Nội dung chính của Biên bản xác định giá trị tài sản gồm: Họ, tên Chủ tịch Hội đồng và các thành viên của Hội đồng; họ, tên những người tham dự phiên họp xác định giá trị tài sản; thời gian, địa điểm tiến hành việc xác định giá trị tài sản; kết quả khảo sát giá trị của tài sản; ý kiến của các thành viên của Hội đồng và những người tham dự phiên họp xác định giá trị tài sản; kết quả biểu quyết của Hội đồng; thời gian, địa điểm hoàn thành việc xác định giá trị tài sản; chữ ký của các thành viên của Hội đồng.

Hội đồng xác định giá trị tài sản chấm dứt hoạt động sau khi hoàn thành nhiệm vụ quy định tại Quyết định thành lập Hội đồng. Các trường hợp phát sinh sau khi Hội đồng chấm dứt hoạt động sẽ do cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng chủ trì xử lý.

e) Trường hợp tại các Điều 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98, 99 và 100 Nghị định này có quy định khác về việc xác định giá trị tài sản thì thực hiện theo quy định tại các Điều tương ứng với từng loại tài sản.

Điều 92. Xác định giá bán, giá trị tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu

1. Đối với tài sản xử lý theo hình thức bán:

a) Giá trị của tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được xác định theo quy định tại Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính là giá khởi điểm để tổ chức đấu giá, giá bán để bán trực tiếp.

b) Trong các trường hợp sau đây phải thành lập Hội đồng để xác định giá khởi điểm, giá bán trực tiếp: Tang vật, phương tiện vi phạm hành chính khi chuyển giao để đấu giá, bán trực tiếp chưa được xác định giá trị; thời điểm dự kiến tổ chức đấu giá vượt quá 60 ngày, kể từ ngày xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 60 của Luật Xử lý vi phạm hành chính; giá trị tang vật đã được xác định theo quy định tại Điều 60 của Luật Xử lý vi phạm hành chính chênh lệch (cao hơn hoặc thấp hơn) từ 10% trở lên so với giá của tài sản cùng loại theo thông báo giá của cơ quan tài chính địa phương tại thời điểm chuyển giao để đấu giá.

Trường hợp thành lập Hội đồng xác định giá khởi điểm, giá bán trực tiếp, Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản hoặc người được Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản ủy quyền làm Chủ tịch; các thành viên khác gồm: đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của đơn vị chủ trì quản lý tài sản; đại diện Phòng Tài chính - Kế hoạch đối với trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản là đơn vị cấp xã, huyện hoặc đơn vị thuộc hệ thống ngành dọc đóng trên địa bàn cấp huyện hoặc đơn vị trực thuộc đơn vị cấp tỉnh đóng trên địa bàn cấp huyện hoặc đại diện Sở Tài

chính đối với các trường hợp còn lại (đại diện Phòng Kế hoạch – Tài chính, Sở Tài chính quy định tại điểm này sau đây gọi là đại diện cơ quan tài chính tại địa bàn nơi xử lý tài sản); đại diện các cơ quan khác có liên quan (nếu cần).

c) Căn cứ kết quả xác định giá khởi điểm, giá bán trực tiếp theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này, Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản xem xét, phê duyệt giá khởi điểm, giá bán trực tiếp để tổ chức bán.

2. Đối với tài sản xử lý theo hình thức giao, điều chuyển:

a) Giá trị của tang vật, phương tiện vi phạm hành chính được xác định theo quy định tại Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính là giá trị tài sản để lập, phê duyệt và thực hiện phương án xử lý tài sản.

b) Việc thành lập Hội đồng để xác định giá trị tài sản được thực hiện trong trường hợp tài sản bị tịch thu nhưng không ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc tại Quyết định tịch thu chưa có giá trị tài sản bị tịch thu.

c) Căn cứ kết quả xác định giá trị theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này, Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản xem xét, phê duyệt giá trị tài sản.

3. Đối với tài sản được xử lý theo hình thức tiêu hủy hoặc chuyển giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để quản lý, xử lý thì giá trị tài sản để lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản là giá trị tài sản được xác định làm căn cứ để người có thẩm quyền ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Trường hợp người có thẩm quyền không ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà chỉ ban hành quyết định tịch thu tài sản theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hoặc tại Quyết định tịch thu chưa có giá trị tài sản bị tịch thu thì không phải thực hiện xác định giá trị tài sản để lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản.

Điều 93. Xác định giá trị tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu

1. Đối với tài sản xử lý theo hình thức bán:

a) Việc xác định giá bán được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Nghị định này.

b) Đơn vị chủ trì quản lý tài sản trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt giá khởi điểm để bán đấu giá đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

c) Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản phê duyệt giá khởi điểm để bán đấu giá đối với tài sản không thuộc phạm vi quy định tại điểm b khoản này và giá bán trực tiếp tài sản.

2. Đối với tài sản xử lý theo hình thức giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản thuê doanh nghiệp thẩm định giá hoặc thành lập Hội đồng để xác định giá trị tài sản. Trường hợp thành lập Hội đồng xác định giá thì thành phần của Hội đồng gồm: Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản hoặc người được ủy quyền làm Chủ tịch; các thành viên khác gồm: đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của đơn vị chủ trì quản lý tài sản; đại diện cơ quan tài chính tại địa bàn nơi xử lý tài sản (trong trường hợp cơ quan

điều tra, viện kiểm sát ra quyết định tịch thu); đại diện các cơ quan khác có liên quan.

3. Trường hợp tài sản được xử lý theo hình thức tiêu hủy hoặc chuyển giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để quản lý, xử lý thì không phải thực hiện xác định giá trị tài sản để lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản.

Điều 94. Xác định giá trị tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, tài sản là di sản không có người thừa kế

1. Đối với tài sản xử lý theo hình thức bán:

a) Việc xác định giá trị tài sản được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Nghị định này.

b) Đơn vị chủ trì quản lý tài sản trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt giá trị tài sản đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

c) Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản phê duyệt giá trị tài sản đối với tài sản không thuộc phạm vi quy định tại điểm b khoản này và giá bán trực tiếp tài sản.

2. Đối với tài sản xử lý theo hình thức giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản thuê doanh nghiệp thẩm định giá hoặc thành lập Hội đồng để xác định giá trị tài sản để lập, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản. Trường hợp thành lập Hội đồng xác định giá thì thành phần của Hội đồng gồm: Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản hoặc người được ủy quyền làm Chủ tịch; các thành viên khác gồm: đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của đơn vị chủ trì quản lý tài sản; đại diện các cơ quan khác có liên quan.

3. Đối với tài sản được xử lý theo hình thức tiêu hủy hoặc chuyển giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để quản lý, xử lý thì không phải xác định giá trị tài sản để lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản.

Điều 95. Xác định giá trị tài sản là hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan

1. Đối với tài sản xử lý theo hình thức bán:

a) Việc xác định giá trị tài sản được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Nghị định này.

b) Đơn vị chủ trì quản lý tài sản trình Cục trưởng Cục Hải quan phê duyệt giá trị tài sản đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

c) Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản phê duyệt giá trị tài sản đối với tài sản không thuộc phạm vi quy định tại điểm b khoản này và giá bán trực tiếp tài sản.

2. Đối với tài sản xử lý theo hình thức giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng thì Cục Hải quan thuê doanh nghiệp thẩm định giá hoặc thành lập Hội đồng để xác định giá trị tài sản để lập, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản. Trường hợp thành lập Hội đồng xác định giá thì thành phần của Hội đồng gồm: Cục trưởng Cục Hải quan hoặc người được ủy quyền làm Chủ tịch; các thành viên khác gồm: đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của Cục Hải quan; đại diện các cơ quan khác có liên quan.

3. Đối với tài sản được xử lý theo hình thức tiêu hủy hoặc chuyển giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để quản lý, xử lý thì không phải xác định giá trị tài sản để lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản.

Điều 96. Xác định giá trị tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam

1. Đối với tài sản xử lý theo hình thức bán:

a) Việc xác định giá trị tài sản được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Nghị định này.

b) Đơn vị chủ trì quản lý tài sản trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt giá trị tài sản đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

c) Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản phê duyệt giá trị tài sản đối với tài sản không thuộc phạm vi quy định tại điểm b khoản này và giá bán trực tiếp tài sản.

2. Đối với tài sản xử lý theo hình thức giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản thuê doanh nghiệp thẩm định giá hoặc thành lập Hội đồng để xác định giá trị tài sản để lập, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản. Trường hợp thành lập Hội đồng xác định giá thì thành phần của Hội đồng gồm: Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản hoặc người được ủy quyền làm Chủ tịch; các thành viên khác gồm: đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của đơn vị chủ trì quản lý tài sản; đại diện cơ quan tài chính tại địa bàn nơi xử lý tài sản (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản không phải là cơ quan quản lý tài sản công hoặc đơn vị chủ trì quản lý tài sản là cơ quan thuộc trung ương); đại diện các cơ quan khác có liên quan.

Riêng đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam (trừ xe ô tô) đã được theo dõi trên sổ kế toán của bên có tài sản cho tặng hoặc là tài sản mới, có hóa đơn, thời điểm lập phương án xử lý tài sản trong cùng năm xuất hóa đơn thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản được sử dụng giá trị đang theo dõi trên sổ kế toán hoặc giá trị tài sản trên hóa đơn để lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản.

3. Đối với tài sản được xử lý theo hình thức chuyển giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để quản lý, xử lý thì không phải xác định giá trị tài sản để lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản.

4. Đối với tài sản được xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho đối tượng được giao quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản thuê doanh nghiệp thẩm định giá hoặc thành lập Hội đồng để xác định giá trị tài sản để lập, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản.

Trường hợp thành lập Hội đồng xác định giá trị tài sản thì thành phần Hội đồng gồm: Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản hoặc người ủy quyền làm Chủ tịch; các thành viên khác gồm: đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của đơn vị chủ trì quản lý tài sản; đại diện Sở Tài chính nơi có tài sản xử lý (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản không phải là cơ quan quản lý tài sản công hoặc đơn vị chủ trì quản lý tài sản là cơ quan thuộc trung ương); đại diện cơ quan quản lý chuyên ngành về tài sản kết cấu hạ tầng; đại diện các cơ quan khác có liên quan.

Riêng đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam đã được theo dõi trên sổ kế toán của bên có tài sản cho tặng hoặc tài sản mới hoàn thành việc đầu tư xây dựng thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản được sử dụng giá trị đang theo dõi trên sổ kế toán hoặc giá trị quyết toán để lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản.

Điều 97. Xác định giá trị tài sản của quỹ xã hội, quỹ từ thiện bị giải thể

1. Đối với tài sản xử lý theo hình thức bán:

a) Việc xác định giá trị tài sản được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Nghị định này.

b) Đơn vị chủ trì quản lý tài sản trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trong trường hợp quỹ xã hội, quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập), Bộ trưởng Bộ Nội vụ (trong trường hợp quỹ xã hội, quỹ từ thiện do Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định thành lập) phê duyệt giá trị tài sản đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

c) Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản phê duyệt giá trị tài sản đối với tài sản không thuộc phạm vi quy định tại điểm b khoản này và giá bán trực tiếp tài sản.

2. Đối với tài sản xử lý theo hình thức giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản thuê doanh nghiệp thẩm định giá hoặc thành lập Hội đồng để xác định giá trị tài sản để lập, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản. Trường hợp thành lập Hội đồng xác định giá thì thành phần của Hội đồng gồm: Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản hoặc người được ủy quyền làm Chủ tịch; các thành viên khác gồm: đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của đơn vị chủ trì quản lý tài sản; đại diện Sở Tài chính nơi có tài sản xử lý; đại diện các cơ quan khác có liên quan..

Trường hợp tài sản đã được theo dõi trên sổ kế toán của quỹ xã hội, quỹ từ thiện bị giải thể thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản được sử dụng giá trị đang theo dõi trên sổ kế toán để lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản.

3. Đối với tài sản được xử lý theo hình thức chuyển giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để quản lý, xử lý thì không phải xác định giá trị tài sản để lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản.

Điều 98. Xác định giá trị tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam

1. Đối với tài sản xử lý theo hình thức bán:

a) Việc xác định giá trị tài sản được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Nghị định này.

b) Đơn vị chủ trì quản lý tài sản trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trong trường hợp tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương), Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan khác ở trung ương (trong trường hợp tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua Bộ, cơ quan trung ương) phê duyệt giá trị tài sản đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

c) Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản phê duyệt giá trị tài sản đối với tài sản không thuộc phạm vi quy định tại điểm b khoản này và giá bán trực tiếp tài sản.

2. Đối với tài sản xử lý theo hình thức giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng thì giá trị tài sản để lập, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là giá trị tài sản theo dõi trên sổ kế toán của doanh nghiệp có tài sản chuyển giao; trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán của doanh nghiệp chuyển giao thì việc xác định giá trị tài sản được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này hoặc thành lập Hội đồng xác định giá để xác định giá trị tài sản. Trường hợp thành lập Hội đồng xác định giá thì thành phần Hội đồng gồm: Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản hoặc người được ủy

quyền làm Chủ tịch; các thành viên khác gồm: đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của đơn vị chủ trì quản lý tài sản; đại diện Sở Tài chính nơi có tài sản xử lý (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản không phải là Sở Tài chính hoặc tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua Bộ, cơ quan trung ương); đại diện các cơ quan khác có liên quan.

3. Đối với tài sản được xử lý theo hình thức chuyển giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để quản lý, xử lý thì giá trị tài sản để lập, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là giá trị tài sản theo dõi trên sổ kế toán của doanh nghiệp có tài sản chuyển giao; trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán của doanh nghiệp chuyển giao thì không phải xác định giá trị tài sản.

4. Đối với tài sản được xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho đối tượng được giao quản lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng thì giá trị tài sản để lập, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là giá trị tài sản theo dõi trên sổ kế toán của doanh nghiệp có tài sản chuyển giao; trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán của doanh nghiệp chuyển giao thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản thuê doanh nghiệp thẩm định giá hoặc thành lập Hội đồng để xác định giá trị tài sản để lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản.

Trường hợp thành lập Hội đồng xác định giá trị tài sản thì thành phần Hội đồng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 99. Xác định giá trị tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư

1. Giá trị tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư được xác định theo giá trị tài sản được doanh nghiệp dự án theo dõi, hạch toán trên sổ kế toán.

2. Trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán của doanh nghiệp dự án thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản thuê doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 91 Nghị định này hoặc thành lập Hội đồng để xác định giá trị tài sản. Trường hợp thành lập Hội đồng xác định giá trị tài sản thì thành phần Hội đồng gồm: Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản hoặc người uỷ quyền làm Chủ tịch; các thành viên khác gồm: đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của đơn vị chủ trì quản lý tài sản; đại diện Sở Tài chính nơi có tài sản xử lý; đại diện cơ quan quản lý chuyên ngành về tài sản được chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam; đại diện các cơ quan khác có liên quan.

3. Thủ trưởng cơ quan ký kết hợp đồng dự án đối tác công tư quyết định giá trị tài sản đối với tài sản không thuộc phạm vi quy định tại điểm b khoản này và giá bán trực tiếp tài sản.

Điều 100. Xác định giá trị tài sản bị chôn giấu, bị vùi lấp, chìm đắm

1. Đối với tài sản xử lý theo hình thức bán:

a) Việc xác định giá trị tài sản được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Nghị định này.

b) Đơn vị chủ trì quản lý tài sản trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt giá trị tài sản đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

c) Thủ trưởng đơn vị chủ trì quản lý tài sản phê duyệt giá trị tài sản đối với tài sản không thuộc phạm vi quy định tại điểm b khoản này và giá bán trực tiếp tài sản.

2. Đối với tài sản xử lý theo hình thức giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản thuê doanh nghiệp

thẩm định giá hoặc thành lập Hội đồng để xác định giá trị tài sản để lập, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản. Trường hợp thành lập Hội đồng xác định giá thì thành phần của Hội đồng gồm: Giám đốc Sở Tài chính hoặc người được ủy quyền làm Chủ tịch; các thành viên khác gồm: đại diện các bộ phận chuyên môn liên quan của Sở Tài chính; đại diện các cơ quan khác có liên quan.

3. Đối với tài sản được xử lý theo hình thức chuyển giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để quản lý, xử lý thì không phải xác định giá trị tài sản để lập, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản.

Chương XI

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TRONG XỬ LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN

Điều 101. Nội dung các khoản chi liên quan đến quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu (bao gồm tài sản của vụ án hình sự chuyển sang xử lý hành chính bị tịch thu hoặc của vụ việc vi phạm hành chính sau khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự chuyển trả lại để xử lý hành chính):

a) Chi phí bảo quản, vận chuyển, giao, nhận, giám định; chi phí để thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo cho người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp của tang vật, phương tiện bị tạm giữ theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị định số 138/2021/NĐ-CP.

Trường hợp cơ quan ra quyết định tạm giữ hoặc quyết định tịch thu đã được Nhà nước bố trí đủ kho bãi, biên chế, phương tiện vận tải,... thì không được thanh toán các khoản chi phí liên quan đến vận chuyển, bảo quản những tang vật, phương tiện bị tịch thu do vi phạm hành chính đó.

b) Chi phí kiểm nghiệm; chi phí mua tin, chi phí hợp lý, hợp lệ phát sinh trong quá trình quản lý, xử lý vi phạm trong lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ kinh phí cho hoạt động chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và thanh toán chi phí theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả.

c) Chi phí chăm sóc, cứu hộ động vật rừng, loài thủy sản từ khi có quyết định tạm giữ hoặc quyết định tịch thu đến khi hoàn thành việc xử lý tang vật, phương tiện bị tịch thu do vi phạm hành chính.

d) Chi phí thuê sửa chữa tang vật, phương tiện bị tịch thu do vi phạm hành chính nếu phải sửa chữa mới bán được hoặc giá trị tăng thêm của tang vật, phương tiện lớn hơn so với chi phí sửa chữa (nếu có).

đ) Chi phí để thực hiện định giá/xác định giá tài sản; chi phí cho Hội đồng xác định giá/Hội đồng xác định giá trị tài sản.

e) Chi phí đấu giá tài sản, thù lao đấu giá theo quy định của pháp luật.

g) Chi phí đăng tải thông tin về bán tài sản.

h) Các khoản chi phí thực tế, hợp lý cho việc phá dỡ, tiêu hủy tang vật, phương tiện bị tịch thu do vi phạm hành chính (trừ trường hợp tang vật vi phạm bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc phải tiêu hủy theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính và toàn bộ chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản do đối tượng có tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu chi trả); chi phí cho Hội đồng tiêu hủy.

2. Đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu (bao gồm cả tài sản của vụ việc vi phạm hành chính chuyển sang xử lý hình sự bị tịch thu) và tài sản khác được xác lập sở hữu toàn dân (trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này):

a) Chi phí vận chuyển, bảo quản từ khi có quyết định tạm giữ đến thời điểm có quyết định tịch thu theo quy định của pháp luật; chi phí kiểm nghiệm, giám định; chi phí bồi thường tổn thất do nguyên nhân khách quan (nếu có). Trường hợp cơ quan tiếp nhận, bảo quản tài sản đã được Nhà nước bố trí đủ kho bãi, phương tiện vận tải, kinh phí thường xuyên để thực hiện công tác bảo quản tài sản thì không được thanh toán các khoản chi phí liên quan đến việc vận chuyển, bảo quản những tài sản đó.

b) Chi phí giao, nhận, bốc dỡ, vận chuyển, bảo quản tài sản từ thời điểm có quyết định tịch thu của cơ quan có thẩm quyền đến khi hoàn thành việc xử lý; chi phí khắc phục tổn thất về tài sản do nguyên nhân khách quan; chi phí cho Hội đồng kiểm kê, phân loại tài sản đối với tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam.

c) Chi phí trông giữ, bảo quản, bảo trì tình trạng tài sản đối với tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong thời gian kể từ khi chấm dứt Hợp đồng dự án đến khi hoàn thành việc xử lý tài sản.

d) Chi phí thuê sửa chữa tài sản nếu phải sửa chữa mới bán được hoặc giá trị tăng thêm của tài sản lớn hơn so với chi phí sửa chữa (nếu có).

đ) Chi phí để thực hiện định giá/xác định giá tài sản; chi phí cho Hội đồng xác định giá/Hội đồng xác định giá trị tài sản.

e) Chi phí đấu giá tài sản, thù lao đấu giá theo quy định của pháp luật.

g) Chi phí đăng tải thông tin về bán tài sản.

h) Thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) đối với trường hợp hàng thuộc diện tạm nhập, tái xuất nhưng nay cơ quan, người có thẩm quyền cho phép nhập khẩu chính thức.

i) Chi phí cho việc chăm sóc, cứu hộ động vật rừng; thực vật, cây trồng, loài thủy sản trước khi xử lý theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

k) Chi phí thực hiện tiêu hủy tài sản; chi phí cho Hội đồng tiêu hủy.

l) Chi thưởng cho các tổ chức, cá nhân phát hiện và giao nộp tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là bảo vật quốc gia, cổ vật, tài sản thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia.

m) Các khoản chi khác có liên quan.

3. Đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm

a) Chi phí thăm dò, khai quật, trục vớt, giám định tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm. Trường hợp chi phí thăm dò, khai quật, trục vớt tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm theo phương án được duyệt được tính bằng hiện vật khai quật, trục vớt được thì cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án khai

quạt, trục vít tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm quyết định việc thanh toán bằng hiện vật.

b) Chi phí vận chuyển, bảo quản tài sản được tìm thấy trong thời gian chưa có quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền; chi phí vận chuyển, bảo quản tài sản trả cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản.

c) Chi phí xử lý tài sản (chi phí thông báo tìm chủ sở hữu, chi phí chuyển giao tài sản, chi phí tiêu hủy tài sản, chi phí định giá, đấu giá tài sản và các khoản chi khác có liên quan).

d) Thuế, phí, lệ phí (nếu có).

đ) Chi thường cho tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản quy định tại điểm a khoản 4 Điều 82 Nghị định này.

e) Chi thanh toán phần giá trị tài sản mà tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản được hưởng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 82 Nghị định này.

Điều 102. Mức chi

1. Đối với những nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức, chế độ đã được quy định.

2. Đối với các khoản chi phí mua tin, chi phí hợp lý, hợp lệ phát sinh trong quá trình quản lý, xử lý vi phạm trong lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng nguồn thu từ xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả.

3. Đối với các chi phí trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện thông qua Hợp đồng được ký giữa đơn vị chủ trì quản lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Đơn vị cung cấp dịch vụ có nghĩa vụ thực hiện đúng hợp đồng đã ký và pháp luật có liên quan. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

4. Đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy thì mức chi thường hoặc thanh toán phần giá trị tài sản cho tổ chức, cá nhân phát hiện và giao nộp tài sản được thực hiện theo quy định tại Điều 103 và Điều 104 Nghị định này.

5. Đối với các khoản chi phí chưa có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan, người có thẩm quyền quy định và không thuộc các trường hợp quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này thì Thủ trưởng cơ quan được giao chủ trì xử lý tài sản quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình đối với mức chi cụ thể, bảo đảm phù hợp với khả năng kinh phí, thực tế phát sinh.

Điều 103. Chi thường cho tổ chức, cá nhân phát hiện và giao nộp tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm

1. Mức chi thường:

a) Trường hợp tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm là bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật, tài sản thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia thì mức tiền thưởng được tính theo phương pháp lũy thoái từng phần, cụ thể như sau:

STT	Giá trị tài sản	Tỷ lệ trích thưởng (%)/Giá trị tài sản để trích thưởng
-----	-----------------	--

1	(1) Giá trị tài sản đến 10 triệu đồng	30%
2	(2) Giá trị tài sản trên 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng	Phần giá trị đến 10 triệu đồng áp dụng tỷ lệ theo STT 1; Phần giá trị trên 10 triệu đồng áp dụng tỷ lệ 15%
3	(3) Giá trị tài sản trên 100 triệu đồng đến 1 tỷ đồng	Phần giá trị đến 100 triệu áp dụng tỷ lệ theo STT 2; Phần giá trị trên 100 triệu đồng áp dụng tỷ lệ 7%
4	(4) Giá trị tài sản trên 1 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	Phần giá trị đến 1 tỷ đồng áp dụng tỷ lệ theo STT 3; Phần giá trị trên 1 tỷ đồng áp dụng tỷ lệ 1%
5	(5) Giá trị của tài sản trên 10 tỷ đồng	Phần giá trị đến 10 tỷ đồng áp dụng tỷ lệ theo STT 4; Phần giá trị trên 10 tỷ đồng áp dụng tỷ lệ 0,5%

Giá trị tài sản để trích thưởng được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều này. Mức trích thưởng này không bao gồm khoản thuế thu nhập mà tổ chức, cá nhân tìm thấy tài sản phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập.

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân phát hiện và cung cấp thông tin chính xác về tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy là bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật, tài sản thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia thì mức tiền thưởng bằng 50% của các mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản này.

Trường hợp tổ chức, cá nhân phát hiện và cung cấp thông tin chính xác về tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy không phải là bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật, tài sản thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia thì mức tiền thưởng bằng 30% của các mức thưởng tương ứng quy định tại điểm a khoản này.

2. Thẩm quyền quyết định mức chi thưởng

a) Mức tiền thưởng cụ thể do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (đối với tài sản được tìm thấy là bảo vật quốc gia, di vật, cổ vật), Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (đối với tài sản được tìm thấy thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh quốc gia), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản được tìm thấy khác) quyết định, tối đa không vượt quá 200 triệu đồng đối với mỗi gói thưởng.

b) Trường hợp có nhiều tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng được chi thưởng; hoặc giá trị tài sản tìm thấy có giá trị đặc biệt thì các cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản này trình Thủ tướng Chính phủ quyết định mức thưởng.

3. Xác định giá trị tài sản để chi thưởng theo quy định tại khoản 1 Điều này

a) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 77 Nghị định này quyết định thành lập Hội đồng định giá, xác định giá trị tài sản bị chôn dấu, bị chìm đắm (sau đây gọi chung là Hội đồng định giá).

Thành phần Hội đồng định giá gồm: Thủ trưởng cơ quan quyết định thành lập Hội đồng hoặc người được uỷ quyền làm Chủ tịch Hội đồng; Đại diện cơ quan tài chính (Bộ Tài chính đối với tài sản bị chôn dấu, bị chìm đắm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở trung ương phê duyệt phương án xử lý; Sở Tài chính đối với tài sản bị chôn dấu, bị chìm đắm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở địa phương phê duyệt phương án xử lý); Đại diện cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận,

bảo quản tài sản; Đại diện cơ quan chuyên môn kỹ thuật hoặc các chuyên gia về tài sản; Các thành viên khác có liên quan.

Số lượng thành viên của Hội đồng định giá tối thiểu là 5 người. Đại diện tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản hoặc có công phát hiện và cung cấp thông tin về tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm được quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng định giá và có thể phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.

Hội đồng định giá làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các cuộc họp của Hội đồng định giá phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng tham dự. Các quyết định của Hội đồng phải được quá nửa số thành viên Hội đồng tán thành và được lập thành biên bản. Trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có Chủ tịch Hội đồng. Hội đồng định giá lập biên bản về việc định giá tài sản. Biên bản định giá tài sản phải ghi nhận kịp thời, đầy đủ và trung thực toàn bộ quá trình định giá tài sản. Nội dung chủ yếu của biên bản định giá tài sản gồm: Họ, tên Chủ tịch Hội đồng định giá tài sản và các thành viên của Hội đồng; họ, tên những người tham dự phiên họp định giá tài sản; thời gian, địa điểm tiến hành việc định giá tài sản; kết quả khảo sát giá trị của tài sản; ý kiến của các thành viên của Hội đồng định giá và những người tham dự phiên họp định giá tài sản; kết quả biểu quyết của Hội đồng định giá về giá trị của tài sản; thời gian, địa điểm hoàn thành việc định giá tài sản; chữ ký của các thành viên Hội đồng định giá. Biên bản định giá tài sản phải được lưu trong hồ sơ định giá tài sản.

Hội đồng định giá có thể thuê hoặc giao cho cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận, bảo quản tài sản thuê tổ chức đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá xác định giá trị tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm để xem xét, tham khảo trước khi quyết định.

Hội đồng định giá có trách nhiệm định giá tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm theo các quy định của pháp luật về nguyên tắc, phương pháp, chuẩn mực thẩm định giá. Trường hợp đặc biệt không thể xác định được giá trị của tài sản thì Hội đồng định giá có văn bản thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này biết để quyết định mức thưởng theo quy định tại Nghị định này.

Chi phí hoạt động của Hội đồng định giá và chi phí thuê tổ chức đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá (nếu có) được tính chung vào chi phí xử lý tài sản và được chi trả theo quy định tại Điều 106 Nghị định này.

b) Xác định giá trị tài sản để trích thưởng

Hội đồng định giá tài sản quy định tại điểm a khoản này có trách nhiệm xác định giá trị tài sản để làm căn cứ trích thưởng như sau:

Trường hợp tài sản được xử lý theo hình thức bán đấu giá thì giá trị tài sản để trích thưởng là giá trúng đấu giá;

Trường hợp tài sản được xử lý theo hình thức giao tài sản cho cơ quan quản lý chuyên ngành quản lý, xử lý; giao tài sản hoặc điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 86 Nghị định này thì giá trị tài sản để trích thưởng được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị tài sản để} \\ \text{trích thưởng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị tài sản do Hội} \\ \text{đồng định giá xác định} \\ \text{quy định tại khoản này} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản chi phí có liên} \\ \text{quan đến việc thăm dò,} \\ \text{khai quật, trục vớt, xử lý} \end{array}$$

tài sản quy định tại Nghị
định này

Trường hợp đặc biệt không thể xác định được giá trị của tài sản thì Hội đồng định giá có văn bản thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền biết để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định mức thưởng theo quy định.

Điều 104. Thanh toán phần giá trị tài sản mà tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản cho tổ chức, cá nhân phát hiện và giao nộp tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm

1. Mức thanh toán

Đối với tài sản có giá trị lớn hơn mười tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định (tại thời điểm tìm thấy và giao nộp tài sản) mà được xử lý theo hình thức bán, sau khi trừ các khoản chi phí hợp lý có liên quan thì tổ chức, cá nhân tìm thấy tài sản được hưởng giá trị bằng mười tháng lương tối thiểu và 50% giá trị của phần vượt quá mười tháng lương cơ sở áp dụng đối với cán bộ, công chức do Nhà nước quy định, phần giá trị còn lại thuộc về Nhà nước.

2. Thẩm quyền quyết định mức thanh toán

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 77 Nghị định này quyết định mức được hưởng của tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm.

3. Xác định giá trị tài sản để thanh toán

a) Đối với các tài sản được xử lý theo hình thức bán đấu giá, giá trị tài sản làm căn cứ thanh toán được xác định theo giá trúng đấu giá.

b) Đối với các trường hợp khác, giá trị tài sản do Hội đồng định giá quy định tại khoản 3 Điều 103 Nghị định này xác định.

Điều 105. Nguồn kinh phí

1. Đối với trường hợp tài sản được xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thì cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận tài sản có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí có liên quan đến việc giao hoặc điều chuyển tài sản (nếu có).

2. Đối với trường hợp tài sản được xử lý theo hình thức khác không thuộc phạm vi khoản 1 Điều này thì nguồn kinh phí chi cho các khoản chi liên quan đến quản lý, xử lý tài sản gồm:

a) Số tiền thu được từ xử lý tài sản theo hình thức bán.

b) Dự toán ngân sách nhà nước (kể cả giao bổ sung) và nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có) được phép sử dụng của đơn vị chủ trì quản lý tài sản đối với trường hợp không phát sinh nguồn thu từ việc xử lý tài sản hoặc số tiền thu được từ bán tài sản không đủ bù đắp chi phí.

3. Đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy thì nguồn kinh phí để thanh toán các khoản chi phí có liên quan đến việc tìm kiếm, thăm dò, khai quật, trục vớt, bảo quản, tìm chủ sở hữu tài sản và thanh toán các khoản chi thường, thanh toán một phần giá trị tài sản cho tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản thực hiện theo quy định tại các Điều 107, 108 và 109 Nghị định này.

4. Đối với các vụ việc từ hành chính chuyển sang xử lý hình sự hoặc từ hình sự chuyển sang xử lý hành chính thì chi phí vận chuyển, bảo quản phát sinh trước khi chuyển giao được tính vào kinh phí chi thường xuyên của đơn vị bảo quản vật

chúng; các khoản chi phí khác được thanh toán từ nguồn kinh phí xử lý tài sản theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. Trường hợp cơ quan điều tra chưa tiếp nhận vật chứng theo quy định của pháp luật hoặc ủy quyền cho đơn vị bảo quản tiếp tục bảo quản vật chứng thì toàn bộ chi phí liên quan đến bảo quản vật chứng trong thời gian này do đơn vị bảo quản chi trả.

Điều 106. Thanh toán các khoản chi liên quan đến quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

1. Nội dung chi và mức chi liên quan đến quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thực hiện theo quy định tại Điều 101, Điều 102 Nghị định này.

2. Trình tự, thủ tục thanh toán chi liên quan đến quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân từ tài khoản tạm giữ

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nộp tiền vào tài khoản tạm giữ, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh toán gửi chủ tài khoản tạm giữ để chi trả chi phí xử lý tài sản hoặc có văn bản đề nghị gia hạn thời hạn thanh toán (văn bản nêu rõ lý do đề nghị gia hạn và thời gian gia hạn nhưng không quá 30 ngày, kể từ ngày có văn bản đề nghị gia hạn) hoặc có văn bản xác nhận không phát sinh chi phí. Người đứng đầu đơn vị chủ trì quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc chậm gửi hồ sơ, văn bản và tính chính xác của khoản chi đề nghị thanh toán. Trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản phải xử lý tài sản của nhiều vụ việc phát sinh thường xuyên thì được phép tổng hợp chi phí quản lý, xử lý tài sản của nhiều vụ việc để thanh toán định kỳ 06 tháng/lần. Việc thanh toán theo định kỳ phải được chủ tài khoản tạm giữ đồng ý bằng văn bản.

b) Hồ sơ đề nghị thanh toán gồm:

Văn bản đề nghị thanh toán của đơn vị chủ trì quản lý tài sản (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính;

Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao;

Các hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: Dự toán chi được duyệt; Hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá, phá dỡ; hóa đơn, phiếu thu tiền (nếu có): 01 bản sao.

3. Việc thanh toán các khoản chi phí được thực hiện theo mức chi thực tế hợp lý, hợp lệ của từng vụ việc hoặc mức khoán do cơ quan, người có thẩm quyền quy định.

Đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, căn cứ vào tình hình thực tế quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tỷ lệ (mức) khoán chi phí quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên số tiền thu được từ xử lý tài sản cho đơn vị chủ trì quản lý tài sản thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương để áp dụng thống nhất. Mức khoán tối đa không vượt quá 40% số tiền thu được từ xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; đơn vị chủ trì quản lý tài sản được chủ động sử dụng chi phí được khoán để chi cho các nội dung theo quy định, trường hợp không sử dụng hết kinh phí khoán thì phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định.

Trường hợp trong quá trình thực hiện xử lý tài sản, chi phí xử lý thực tế vượt quá mức khoán quy định và có đầy đủ các hồ sơ, chứng từ chứng minh việc chi cho xử lý tài sản là cần thiết và phù hợp, đơn vị chủ trì quản lý tài sản báo cáo cơ quan có thẩm quyền duyệt chi quy định tại khoản 2 Điều này để xem xét, quyết định.

4. Đối với những vụ việc hình sự hoặc vụ việc từ hành chính chuyển sang xử lý hình sự và được cơ quan có thẩm quyền quyết định đình chỉ vụ án, trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày có quyết định đình chỉ vụ án, đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm thanh toán các chi phí có liên quan đến quản lý, xử lý tang vật bị tịch thu của vụ việc đó từ nguồn kinh phí quy định tại Điều 105 Nghị định này.

5. Việc thanh toán các khoản chi phí có liên quan đến việc tìm kiếm, thăm dò, khai quật, trục vớt, bảo quản, tìm chủ sở hữu tài sản đối với tài sản bị chôn giấu, chìm đắm thực hiện theo quy định tại Điều 107 Nghị định này.

6. Việc thanh toán chi thường hoặc thanh toán một phần giá trị tài sản cho tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản đối với tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm thực hiện theo quy định tại Điều 108 và Điều 109 Nghị định này.

Điều 107. Thanh toán các khoản chi phí có liên quan đến việc tìm kiếm, thăm dò, khai quật, trục vớt, bảo quản, tìm chủ sở hữu tài sản đối với tài sản bị chôn giấu, chìm đắm

1. Đối với trường hợp tài sản trả lại cho chủ sở hữu theo quy định tại khoản 1 Điều 82 Nghị định này thì chủ sở hữu có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí có liên quan đến việc tìm kiếm, thăm dò, khai quật, trục vớt, bảo quản, tìm chủ sở hữu tài sản.

2. Đối với tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm được tìm thấy được chuyển giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để quản lý, xử lý; giao hoặc điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 86 Nghị định này thì cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí có liên quan đến việc tìm kiếm, thăm dò, khai quật, trục vớt, bảo quản, tìm chủ sở hữu tài sản từ dự toán ngân sách nhà nước được giao theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Đối với tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm được tìm thấy được tiêu hủy thì ngân sách nhà nước chi trả; tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm được tìm thấy do cấp nào tổ chức xử lý thì ngân sách cấp đó chi trả.

4. Đối với tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm được tìm thấy được bán thì các khoản chi được sử dụng từ nguồn thu được do bán tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm được tìm thấy. Trường hợp số tiền thu được do bán tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm được tìm thấy không đủ bù đắp các khoản chi thì ngân sách nhà nước chi trả phần chênh lệch theo quy định hiện hành của pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Đối với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm cho hoạt động hàng hải thì sau khi trục vớt và bán đấu giá tài sản, nếu số tiền thu được không đủ bù đắp chi phí và chủ sở hữu không có khả năng chi trả hoặc không xác định được chủ sở hữu tài sản chìm đắm thì số tiền còn thiếu được sử dụng từ phí bảo đảm hàng hải để bù đắp chi phí thiếu hụt đó; nếu chi phí trục vớt tài sản chìm đắm vượt quá khả năng chi trả của nguồn thu phí bảo đảm hàng hải thì sẽ được ngân sách nhà nước cấp bổ sung.

6. Đối với tài sản bị chôn giấu, bị chìm đắm nhưng chưa đủ điều kiện để khai quật, trục vớt thì ngân sách địa phương nơi có tài sản chịu trách nhiệm bảo đảm kinh phí để bảo vệ tài sản.

Điều 108. Thanh toán chi thưởng cho tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản đối với tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm

1. Cơ quan, đơn vị tiếp nhận thông tin quy định tại khoản 1 Điều 76 Nghị định này có văn bản đề nghị chi thưởng cho tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản, gửi cho cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận, bảo quản tài sản quy định tại Điều 80 Nghị định này.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định này, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận, bảo quản tài sản có trách nhiệm trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 77 Nghị định này quyết định mức thưởng cụ thể. Nội dung chủ yếu của Quyết định mức thưởng gồm:

- a) Căn cứ pháp lý để chi thưởng cho tổ chức, cá nhân;
- b) Tên tổ chức, cá nhân được chi thưởng;
- c) Mức chi thưởng cho tổ chức, cá nhân;
- d) Thời hạn chi thưởng;
- đ) Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm chi thưởng;
- e) Nguồn chi thưởng.

Quyết định được gửi cho đối tượng được hưởng, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm vụ chi thưởng, cơ quan tài chính nhà nước cùng cấp.

3. Trường hợp nguồn chi thưởng được sử dụng từ ngân sách nhà nước, nguồn thu hợp pháp của cơ quan có chức năng lưu giữ, quản lý tài sản và phí bảo đảm hàng hải thì căn cứ vào quyết định mức thưởng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 điều này, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chi thưởng có trách nhiệm trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc sử dụng các nguồn kinh phí này để chi thưởng theo quy định của pháp luật.

4. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày có quyết định mức thưởng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm chi thưởng thực hiện chi trả tiền thưởng cho tổ chức, cá nhân được thưởng theo quy định.

Điều 109. Thanh toán phần giá trị tài sản cho tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản đối với tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên

1. Đối với trường hợp tài sản trả cho tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản quy định tại khoản 2 Điều 82 Nghị định này thì tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản có trách nhiệm chi trả các khoản chi phí hợp lý có liên quan (chi phí tìm chủ sở hữu, chi phí vận chuyển, bảo quản và xác định giá trị tài sản). Trường hợp tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản không nhận tài sản hoặc không thanh toán các chi phí hợp lý có liên quan thì tài sản đó thuộc về Nhà nước.

2. Đối với trường hợp tài sản xác lập sở hữu toàn dân về tài sản quy định tại khoản 3 Điều 82 Nghị định này thì việc thanh toán phần giá trị tài sản cho tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản như sau:

a) Trường hợp tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản có nhu cầu nhận tài sản (bằng hiện vật) mà tài sản đó không chia được thì tổ chức, cá nhân đó được nhận tài sản (bằng hiện vật), đồng thời có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí hợp lý có liên quan và phần giá trị tài sản thuộc về Nhà nước theo quy định tại Điều 104, Điều 107 Nghị định này.

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản có nhu cầu nhận tài sản (bằng hiện vật) mà tài sản đó có thể chia được thì tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản được chia tài sản bằng hiện vật tương ứng với phần giá trị tài sản được hưởng theo quy định tại Điều 104, Điều 107 Nghị định này.

c) Trường hợp tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản có nhu cầu nhận phần giá trị tài sản bằng tiền thì tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản được thanh toán bằng tiền phần giá trị tài sản được hưởng theo quy định tại Điều 104 Nghị định này.

3. Thủ tục thanh toán phần giá trị tài sản cho tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản như sau:

a) Cơ quan, đơn vị tiếp nhận thông tin quy định tại khoản 1 Điều 76 Nghị định này có văn bản đề nghị thanh toán phần giá trị tài sản được hưởng cho tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản, gửi cho cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận, bảo quản tài sản quy định tại Điều 80 Nghị định này.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định này, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận, bảo quản tài sản có trách nhiệm trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 77 Nghị định này quyết định cụ thể mức được hưởng của tổ chức, cá nhân. Nội dung chủ yếu của quyết định này gồm:

Căn cứ pháp lý để thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản;

Tên tổ chức, cá nhân được thanh toán phần giá trị của tài sản do ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp;

Phần giá trị của tài sản thanh toán cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản; chi phí tổ chức, cá nhân phải thanh toán (nếu có);

Hình thức thanh toán (bằng hiện vật, bằng tiền);

Thời hạn thanh toán;

Nguồn kinh phí để thanh toán (trong trường hợp thanh toán bằng tiền);

Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thanh toán phần giá trị tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản.

Quyết định được gửi cho đối tượng được hưởng, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thanh toán, cơ quan tài chính cùng cấp.

c) Trường hợp nguồn kinh phí để thanh toán được sử dụng từ ngân sách nhà nước, nguồn thu hợp pháp của cơ quan có chức năng lưu giữ, quản lý tài sản và phí bảo đảm hàng hải thì căn cứ vào quyết định thanh toán phần giá trị tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thanh toán có trách nhiệm trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc sử dụng các nguồn kinh phí này để thanh toán theo quy định của pháp luật.

d) Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày có quyết định mức được hưởng của tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy và giao nộp tài sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thanh toán thực hiện việc thanh toán phần giá trị tài sản cho tổ chức, cá nhân được hưởng theo quy định.

Điều 110. Quản lý số tiền thu được từ việc xử lý tài sản

1. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc nhà nước do cơ quan quản lý tài sản công làm chủ tài khoản như sau:

a) Cơ quan quản lý tài sản công thuộc Bộ Tài chính đối với tài sản do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án xử lý tài sản.

b) Sở Tài chính nơi xử lý tài sản đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh phê duyệt phương án xử lý và tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc trung ương phê duyệt phương án xử lý tài sản, trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm c khoản này.

c) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện nơi xử lý tài sản đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện, cấp xã phê duyệt phương án xử lý tài sản và tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc trung ương phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với trường hợp nơi xử lý tài sản nằm trên địa bàn không thuộc địa bàn quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh nơi Sở Tài chính đóng trụ sở.

2. Định kỳ 06 tháng, chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp ngân sách trung ương (đối với tiền thu được từ xử lý tài sản do đơn vị chủ trì quản lý tài sản thuộc trung ương xử lý), ngân sách địa phương (đối với tiền thu được từ xử lý tài sản do đơn vị chủ trì quản lý tài sản thuộc địa phương xử lý) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước đối với các khoản thu từ xử lý tài sản:

a) Đã hoàn thành việc thanh toán chi phí hoặc có văn bản xác nhận không phát sinh chi phí của cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán, thanh lý tài sản.

b) Đã quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán, thanh lý tài sản nộp tiền vào tài khoản tạm giữ nhưng chủ tài khoản tạm giữ không nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán chi phí hoặc văn bản đề nghị gia hạn thanh toán hoặc văn bản xác nhận không phát sinh chi phí của cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán, thanh lý tài sản.

Chương XII

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN

Điều 111. Chế độ báo cáo về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân phải được kê khai, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công để quản lý thống nhất.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định tịch thu hoặc quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản của người có thẩm quyền hoặc ký Hợp đồng tặng cho hoặc Hợp đồng chuyển quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ Luật dân sự, đơn vị chủ trì quản lý tài sản thực hiện báo cáo kê khai, cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản theo phương án xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền, đơn vị chủ trì quản lý tài sản thực hiện cập nhật kết quả xử lý tài sản vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

4. Cơ quan quản lý tài sản công có trách nhiệm báo cáo về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Mẫu biểu báo cáo kê khai tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 112. Cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Quản lý, khai thác Cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân:

a) Cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân là một bộ phận của Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, được xây dựng và quản lý thống nhất trên phạm vi cả nước.

b) Thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được cơ quan có thẩm quyền cung cấp có giá trị pháp lý như trong hồ sơ dạng giấy.

c) Cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân là tài sản công, phải được đảm bảo an ninh, an toàn chặt chẽ; nghiêm cấm mọi hành vi truy cập trái phép, phá hoại, làm sai lệch thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản.

d) Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về công trình phải thực hiện theo đúng quy định; không được tự ý khai thác, sử dụng thông tin khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

đ) Nội dung, cấu trúc, phương thức nhập liệu và khai thác Cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Trách nhiệm xây dựng, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

a) Bộ Tài chính có trách nhiệm tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

b) Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo báo cáo kê khai, thực hiện cập nhật thông tin, bảo đảm kết nối, tích hợp với Cơ sở dữ liệu về tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Chương XIII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 113. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quyết định của người có thẩm quyền theo quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành:

a) Trường hợp chưa được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản thì việc xử lý thực hiện theo quy định tại Nghị định này, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này.

b) Trường hợp đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản nhưng chưa hoàn thành việc xử lý thì các công việc chưa thực hiện được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

c) Trường hợp tài sản (không phải là tài sản kết cấu hạ tầng) đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý theo hình thức giao cho doanh nghiệp theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa làm thủ tục để thực hiện ghi tăng vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản đề xuất/lập phương án xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định này, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định này.

2. Đối với tài sản là vàng, bạc, đá quý, kim loại quý đã được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quyết định của người có thẩm quyền theo quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành (tại các Nghị định số 137/2006/NĐ-CP ngày 14/11/2006, Nghị định số 29/2014/NĐ-CP ngày 10/4/2014, Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ):

a) Trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản đã tạm bàn giao cho Kho bạc Nhà nước để bảo quản thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý bán, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định này và tổ chức thực hiện bán để nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

b) Trường hợp đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý là giao cho Kho bạc Nhà nước để quản lý, xử lý theo quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì Kho bạc Nhà nước chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện bán để nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp Kho bạc Nhà nước không thực hiện được việc bán thì Kho bạc Nhà nước có văn bản đề nghị đơn vị chủ trì quản lý tài sản báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản xem xét, quyết định điều chỉnh cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định này.

c) Việc bán đối với vàng, bạc thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 15 Nghị định này.

3. Đối với tài sản là bộ phận (mẫu vật) của động vật rừng, thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm đã có văn bản, quyết định tịch thu của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành:

a) Đối với tài sản đang lưu giữ, bảo quản tại kho của cơ quan dự trữ nhà nước trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì cơ quan dự trữ nhà nước có trách nhiệm đề xuất phương án tiêu hủy tài sản, báo cáo Bộ Tài chính. Hồ sơ gồm:

Thông tin về tài sản (số lượng, chủng loại).

Thông tin về tình trạng pháp lý của tài sản.

Hình thức xử lý tài sản.

Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp xử lý tài sản.

Chi phí xử lý tài sản.

Tổ chức thực hiện xử lý tài sản.

Các nội dung khác (nếu có).

b) Trên cơ sở hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Bộ Tài chính lập phương án tiêu hủy tài sản, lấy ý kiến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, cơ quan trung ương có liên quan.

c) Căn cứ ý kiến của các Bộ quy định tại điểm b khoản này, Bộ Tài chính hoàn thiện phương án báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

d) Trên cơ sở phương án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, việc tổ chức tiêu hủy và chi phí xử lý được thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 101, Điều 102 Nghị định này. Việc tiêu hủy được thực hiện theo hình thức hủy đốt. Kinh phí thực hiện tiêu hủy được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan dự trữ nhà nước được giao tổ chức thực hiện tiêu hủy.

4. Đối với tài sản là bộ phận (mẫu vật) của động vật rừng, thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm, đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa bàn giao, tiếp nhận để lưu giữ, bảo quản tại kho của cơ quan dự trữ nhà nước thì đơn vị chủ trì quản lý tài sản lập phương án xử lý theo hình thức tiêu hủy quy định tại khoản 6 Điều 8 Nghị định này hoặc giao cho cơ quan quản lý chuyên ngành để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, trưng bày, giáo dục pháp luật.

5. Đối với tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư với loại Hợp đồng Xây dựng – Chuyên giao (BT) trước ngày Luật Đầu tư theo hình thức đối tác công tư có hiệu lực thi hành (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa thực hiện xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo quy định tại Nghị định số 29/2018/NĐ-CP thì không phải làm thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân và xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định này.

Điều 114. Điều khoản thi hành

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các đối tượng khác có liên quan được nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc điện tử thông qua trực liên thông văn bản quốc gia trong trường hợp đã có chữ ký số khi thực hiện các thủ tục quy định tại Nghị định này và được sử dụng bản quét chữ ký số trên Hồ sơ công việc điện tử thay cho bản chính.

2. Khi thực hiện trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có nhiều cơ quan quản lý cấp trên thì thực hiện trình hồ sơ xử lý tài sản lần lượt qua từng cơ quan quản lý cấp trên để trình cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương có trách nhiệm:

a) Ban hành quy định về đơn vị chủ trì quản lý tài sản đối với tài sản do tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước thông qua Bộ, cơ quan trung ương; tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam thông qua Bộ, cơ quan trung ương theo cam kết sau khi kết thúc thời gian hoạt động.

b) Ban hành quy định về thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Nghị định này.

c) Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm trong quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Luật Quản lý sử dụng tài sản công và Nghị định này.

4. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định về thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Ban hành quy định về đơn vị chủ trì quản lý tài sản đối với tài sản do tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước thông qua chính quyền địa phương; tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương theo cam kết sau khi kết thúc thời gian hoạt động.

b) Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm trong quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Luật Quản lý sử dụng tài sản công và Nghị định này.

6. Trong thời gian Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương chưa ban hành quy định về thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý theo quy định tại Nghị định này.

Trong thời gian Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chưa ban hành quy định về thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại khoản 4 Điều này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản thuộc phạm vi quản lý của địa phương hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt phương án xử lý (đối với trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính theo quy định tại Nghị định này) phê duyệt phương án xử lý tài sản theo quy định tại Nghị định này và có trách nhiệm báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 115. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày....tháng...năm 2024.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 116. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2). XH

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ)

Mẫu số 01-QĐXL	Quyết định về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản
Mẫu số 02-QĐXL&PA	Quyết định về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân
Mẫu số 03-QĐPA	Quyết định phê duyệt phương án xác lập tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân
Mẫu số 04-ĐXPA	Đề xuất phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản
Mẫu số 05-PA	Phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản
Mẫu số 06-BBBQ	Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản để bảo quản
Mẫu số 07-BBGN	Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân
Mẫu số 08-TT	Văn bản đề nghị chi thưởng
Mẫu số 09-TT	Văn bản đề nghị thanh toán

Mẫu số 01-QĐXL

(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố:/QĐ-.....⁽³⁾

....., ngày.... tháng.... năm.....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản**.....⁽⁴⁾

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Dự trữ quốc gia ngày tháng năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của⁽²⁾;

Theo đề nghị của⁽⁵⁾,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với các tài sản sau đây:

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Giá trị tài sản (nếu có)	Năm sử dụng (nếu có) ⁽⁶⁾	Tình trạng tài sản

Nguồn gốc tài sản:⁽⁷⁾

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.⁽⁸⁾ có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;

- Cơ quan tài chính nơi có tài sản⁽⁹⁾;

- Lưu:

(1) Tên cơ quan cấp trên (nếu có).

(2) Tên cơ quan của người ra quyết định.

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan của người ra quyết định.

(4) Chức danh của người ra quyết định.

(5) Tên đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản trình.

(6) Năm tài sản đưa vào sử dụng

(7) Ghi rõ nguồn gốc của tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Điều 3 Nghị định số...../2024/NĐ-CP.

(8) Tên các cơ quan, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định.

.....⁽⁴⁾
(Ký tên, đóng dấu)

(9) Ghi Sở Tài chính nơi có tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân (trường hợp cơ quan của người ra quyết định là cơ quan trung ương hoặc cấp tỉnh); Phòng Tài chính - kế hoạch nơi có tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân (trường hợp cơ quan của người ra quyết định là cơ quan cấp huyện).

Mẫu số 02-QĐXL&PA

(1)
 (2)

 Số:/QĐ-.....⁽³⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

, ngày.... tháng.... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân
⁽⁴⁾

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Dự trữ quốc gia ngày tháng năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của⁽²⁾;

Theo đề nghị của⁽⁵⁾,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với các tài sản sau đây:

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Giá trị tài sản (nếu có)	Năm sử dụng (nếu có) ⁽⁶⁾	Tình trạng tài sản

Nguồn gốc tài sản:⁽⁷⁾

Điều 2. Phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản quy định tại Điều 1 Quyết định này theo hình thức.....⁽⁸⁾

Điều 3. Tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản:⁽⁹⁾

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.⁽¹⁰⁾ có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

.....⁽⁴⁾
 (Ký tên, đóng dấu)

- Như Điều 4;
 - Cơ quan tài chính nơi có tài sản⁽¹¹⁾;
 - Lưu:
- (1) Tên cơ quan cấp trên (nếu có).
 - (2) Tên cơ quan của người ra quyết định.
 - (3) Chữ viết tắt tên cơ quan của người ra quyết định.
 - (4) Chức danh của người ra quyết định.
 - (5) Tên đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản trình.
 - (6) Năm tài sản đưa vào sử dụng
 - (7) Ghi rõ nguồn gốc của tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Điều 3 Nghị định số...../2024/NĐ-CP.
 - (8) Ghi rõ hình thức xử lý tài sản theo quy định.
 - (9) Ghi các nội dung chính trong tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản.
 - (10) Tên các cơ quan, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định.
 - (11) Ghi Sở Tài chính nơi tổ chức xử lý tài sản (trường hợp cơ quan của người ra quyết định là cơ quan trung ương hoặc cấp tỉnh); Phòng Tài chính - kế hoạch nơi có tài sản là nơi tổ chức xử lý tài sản (trường hợp cơ quan của người ra quyết định là cơ quan cấp huyện).

(1)
 (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....⁽³⁾

....., ngày.... tháng.... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Dự trữ quốc gia ngày tháng năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của⁽²⁾;

Theo đề nghị của⁽⁵⁾,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo⁽⁶⁾ theo hình thức....⁽⁷⁾

Điều 2. Tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản:.....⁽⁸⁾

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.⁽⁹⁾ có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

.....⁽⁴⁾

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Cơ quan tài chính nơi có tài sản⁽¹⁰⁾;

- Lưu:

(Ký tên, đóng dấu)

(1) Tên cơ quan cấp trên (nếu có).

(2) Tên cơ quan của người ra quyết định.

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan của người ra quyết định.

(4) Chức danh của người ra quyết định.

(5) Tên đơn vị chủ trì quản lý, xử lý tài sản trình.

(6) Ghi rõ tên Quyết định tịch thu/Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/ Hợp đồng tặng cho hoặc Hợp đồng chuyển quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ Luật dân sự.

(7) Ghi rõ hình thức xử lý tài sản.

(8) Ghi các nội dung chính trong tổ chức thực hiện phương án xử lý tài sản.

(9) Tên các cơ quan, cá nhân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định.

(10) Ghi Sở Tài chính nơi có tài sản là nơi tổ chức xử lý tài sản (trường hợp cơ quan của người ra quyết định là cơ quan trung ương hoặc cấp tỉnh); Phòng Tài chính - kế hoạch nơi có tài sản là nơi tổ chức xử lý tài sản (trường hợp cơ quan của người ra quyết định là cơ quan cấp huyện).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Dự trữ quốc gia ngày tháng năm 2024;

Căn cứ Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Quyết định số.....ngày...tháng...năm về tịch thu tài sản/Quyết định số.....ngày...tháng...năm.....về xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/ Hợp đồng tặng cho số.....ngày...tháng...năm.....hoặc Hợp đồng chuyển quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ Luật dân sự.*

I. Cơ quan, đơn vị đề xuất phương án xử lý tài sản:.....

II. Nội dung đề xuất phương án xử lý tài sản:

1. Thông tin về tài sản:

- Chung loại, số lượng, chất lượng tài sản, nguồn gốc xuất xứ, năm sản xuất, nước sản xuất....

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định số..... ngày... tháng.... năm về tịch thu tài sản/Quyết định số..... ngày.... tháng.... năm..... về xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/Hợp đồng tặng cho số..... ngày.... tháng.... năm..... hoặc Hợp đồng chuyển quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ Luật dân sự.

2. Giá trị tài sản (nếu có):

3. Đề xuất hình thức xử lý tài sản:

4. Đề xuất cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp xử lý tài sản:

5. Đề xuất thời hạn xử lý:

6. Đề xuất chi phí xử lý:

7. Đề xuất quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản.

8. Các nội dung khác (nếu có).

* Trường hợp tổng hợp tài sản của nhiều Quyết định tịch thu/xác lập thì các chỉ tiêu này có thể tổng hợp tại biểu.

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Dự trữ quốc gia ngày tháng năm 2024;

Căn cứ Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2024 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Quyết định số.....ngày...tháng....năm về tịch thu tài sản/Quyết định số.....ngày...tháng....năm.....về xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/ Hợp đồng tặng cho số.....ngày....tháng....năm.....hoặc Hợp đồng chuyển quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ Luật dân sự.*

Trên cơ sở đề xuất phương án xử lý tài sản của đơn vị chủ trì quản lý tài sản/cơ quan cấp trên của đơn vị chủ trì quản lý tài sản (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan cấp trên); cơ quan quản lý tài sản công lập phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân với các nội dung chính sau:

1. Thông tin về tài sản:

- Chung loại, số lượng, chất lượng tài sản, nguồn gốc xuất xứ, năm sản xuất, nước sản xuất...

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định số..... ngày... tháng.... năm về tịch thu tài sản/Quyết định số..... ngày.... tháng.... năm..... về xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản/Hợp đồng tặng cho số..... ngày.... tháng.... năm.... hoặc Hợp đồng chuyển quyền sở hữu khác quy định tại Điều 223 Bộ Luật dân sự.

2. Giá trị tài sản (nếu có):

3. Hình thức xử lý tài sản:

4. Cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp xử lý tài sản:

5. Thời hạn xử lý:

6. Chi phí xử lý:

7. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản.

8. Các nội dung khác (nếu có).

* Trường hợp tổng hợp tài sản của nhiều Quyết định tịch thu/xác lập thì các chỉ tiêu này có thể tổng hợp tại biểu.

CƠ QUAN, ĐƠN VỊ LẬP PHƯƠNG ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO, TIẾP NHẬN TÀI SẢN ĐỂ BẢO QUẢN
Số:...../.....⁽¹⁾/BBBQ-.....⁽²⁾

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Dự trữ quốc gia ngày tháng năm 2024;

Căn cứ Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2024 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Hôm nay, ngày.... tháng.... năm....., tại....., chúng tôi gồm:

A. Đại diện bên giao:

1. Ông, bà:....., chức vụ

Cơ quan:

2. Ông, bà:....., chức vụ

Cơ quan:

B. Đại diện bên nhận:

1. Ông, bà:....., chức vụ

Cơ quan:

2. Ông, bà:....., chức vụ

Cơ quan:

C. Đại diện bên chứng kiến:

1. Ông, bà:....., chức vụ

Cơ quan:

2. Ông, bà:....., chức vụ

Cơ quan:

Cùng nhau tiến hành bàn giao, tiếp nhận tài sản để bảo quản như sau:

I. Tài sản bàn giao, tiếp nhận:

1. Chung loại, số lượng, hiện trạng tài sản bàn giao:

STT	Tên tài sản	Nhãn hiệu (nếu có)	Số Đăng ký (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị tài sản (nếu có)	Tình trạng chất lượng	Ghi chú

2. Danh Mục các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến tài sản⁽³⁾:

.....

.....

.....

.....

II. Trách nhiệm của các bên:

1. Bên giao có trách nhiệm bàn giao đầy đủ tài sản và hồ sơ tài sản nêu tại Mục I Biên bản này.

2. Bên nhận có trách nhiệm:

- Tiếp nhận tài sản để bảo quản;
- Thực hiện việc quản lý, bảo quản tài sản đúng chế độ quy định;
- Bàn giao tài sản cho cơ quan, đơn vị tiếp nhận để quản lý, xử lý theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

III. Ý kiến của các bên tham gia bàn giao:

.....
.....

Biên bản đã được các bên cùng nhất trí thông qua và được lập thành 05 bản, bên giao giữ 02 bản, bên nhận giữ 02 bản, bên chứng kiến giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN CHỨNG KIẾN

(Ký và ghi rõ họ tên)

- (1) Năm tiên hành bàn giao.
- (2) Chữ viết tắt tên cơ quan bàn giao tài sản.
- (3) Đối với từng loại hồ sơ, giấy tờ phải ghi rõ bản chính hay bản sao.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO, TIẾP NHẬN
TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN
Số:/....⁽¹⁾/BBCG-....⁽²⁾

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Dự trữ quốc gia ngày tháng năm 2024;

Căn cứ Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2024 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ⁽³⁾;

Hôm nay, ngày.... tháng.... năm....., tại....., chúng tôi gồm:

A. Đại diện bên giao:

1. Ông, bà:....., chức vụ

Cơ quan:

1. Ông, bà:....., chức vụ

Cơ quan:

B. Đại diện bên nhận:

1. Ông, bà:....., chức vụ

Cơ quan:

1. Ông, bà:....., chức vụ

Cơ quan:

C. Đại diện cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công:

1. Ông, bà:....., chức vụ

Cơ quan:

1. Ông, bà:....., chức vụ

Cơ quan:

Cùng nhau tiến hành bàn giao, tiếp nhận đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân như sau:

I. Tài sản bàn giao, tiếp nhận:

1. Chung loại, số lượng, hiện trạng tài sản bàn giao:

STT	Tên tài sản	Nhãn hiệu (nếu có)	Số Đăng ký (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị tài sản (nếu có)	Tình trạng chất lượng

2. Danh Mục các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến tài sản⁽⁴⁾:

.....

.....

.

II. Trách nhiệm của các bên:

1. Bên giao có trách nhiệm bàn giao đầy đủ tài sản và hồ sơ tài sản nêu tại Mục I Biên bản này.

2. Bên nhận có trách nhiệm:

- Tiếp nhận các tài sản và hồ sơ tài sản nêu tại Mục I Biên bản này theo Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền;

- Thực hiện việc quản lý, xử lý tài sản theo đúng quy định của pháp luật chuyên ngành (trong trường hợp tiếp nhận tài sản để quản lý, xử lý);

- Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật (trong trường hợp tiếp nhận tài sản để quản lý, sử dụng).

III. Ý kiến của các bên tham gia bàn giao:

.....
.

Biên bản đã được các bên cùng nhất trí thông qua và được lập thành 05 bản, bên giao giữ 02 bản, bên nhận giữ 02 bản, bên chứng kiến giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG**
(Ký và ghi rõ họ tên)

- (1) Năm tiến hành bàn giao.
- (2) Chữ viết tắt tên cơ quan bàn giao tài sản.
- (3) Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền.
- (4) Đối với từng loại hồ sơ, giấy tờ phải ghi rõ bản chính hay bản sao.